

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Bùi Thị Thanh Hương  
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Thảo**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ  
PHẦN THƯƠNG MẠI HUY LONG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên :Bùi Thị Thanh Hương  
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Thảo**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Bùi Thị Thanh Hương

Mã SV: 1312401104

Lớp: QT1701K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định

kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Huy Long

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Hệ thống hóa lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
  - Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Huy Long.
  - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Huy Long.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu kế toán năm 2015 của Công ty cổ phần thương mại Huy Long

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần thương mại Huy Long

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: trường Đại học Dân lập Hải phòng

Nội dung hướng dẫn: Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM Huy Long

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 10 tháng 10 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

Bùi Thị Thanh Hương

Ths. Trần Thị Thanh Thảo

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2016*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị**

## **PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

### **1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

Sinh viên Hương trong quá trình thực tập tốt nghiệp chấp hành tốt các quy định của giáo viên hướng dẫn cả về thời gian và nội dung yêu cầu hướng dẫn. Ngoài ra sinh viên Hương còn chăm chỉ chịu khó tìm hiểu lý thuyết và thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Huy Long để phục vụ cho bài viết khóa luận do đó bài viết số liệu khá phong phú và có tính logic cao.

### **2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

- Chương 1: Đưa ra được cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Chương 2: Mô tả được chi tiết thực trạng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM Huy Long theo hình thức kế toán Nhật ký chung. Số liệu bài viết khá phong phú và logic cho thấy quá trình nghiên cứu sâu sắc của tác giả.

- Chương 3: Đưa ra được những nhận xét ưu nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh từ đó đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán này tại công ty cổ phần TM Huy Long.

### **3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....

*Hải Phòng, ngày 23 tháng 12 năm 2016*  
**Cán bộ hướng dẫn**

*Ths. Trần Thị Thanh Thảo*

# MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ</b> .....	2
1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	2
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	2
1.1.2 Nhiệm vụ của của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	3
1.1.3 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	3
1.1.3.1 Doanh thu .....	3
1.1.3.2 Chi phí.....	5
1.1.3.3 Xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.2 NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	8
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu .....	8
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng .....	8
1.2.1.2 Tài khoản sử dụng.....	8
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán .....	11
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	11
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng .....	11
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng.....	11
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán .....	13
1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	15
1.2.3.1 Chứng từ sử dụng .....	15

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng .....	15
1.2.3.3 Phương pháp hạch toán .....	16
1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	18
1.2.4.1 Chứng từ sử dụng .....	18
1.2.4.2 Tài khoản sử dụng .....	18
1.2.4.3 Phương pháp hạch toán .....	18
1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	20
1.2.5.1 Chứng từ sử dụng .....	20
1.2.5.2 Tài khoản sử dụng .....	20
1.2.5.3 Phương pháp hạch toán .....	20
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	22
1.2.6.1 Chứng từ sử dụng .....	22
1.2.6.2 Tài khoản sử dụng .....	22
1.2.6.3 Phương pháp hạch toán .....	22
<b>1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ .....</b>	<b>24</b>
1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung .....	25
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái .....	26
1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ .....	28
1.3.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính .....	29
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HUY LONG .....</b>	<b>32</b>
<b>2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HUY LONG .....</b>	<b>32</b>
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển .....	32
2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty .....	34
2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần thương mại Huy Long .....	35
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty .....	35
2.1.3.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty .....	36
2.1.3.3 Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán .....	36
2.1.3.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán .....	36



2.1.3.5 Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính.....	37
2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HUY LONG.....	38
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty.....	38
2.2.1.1 Nội dung doanh thu bán hàng tại công ty .....	38
2.2.1.2 Chứng từ sử dụng .....	38
2.2.1.3 Tài khoản sử dụng .....	38
2.2.1.4 Quy trình hạch toán.....	38
2.2.1.5 Ví dụ minh họa.....	39
2.2.2 Kế toán giá vốn bán hàng.....	46
2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán .....	46
2.2.2.2 Chứng từ sử dụng .....	46
2.2.2.3 Tài khoản sử dụng.....	46
2.2.2.4 Quy trình hạch toán.....	47
2.2.2.5 Ví dụ minh họa.....	47
2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	53
2.2.3.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính .....	53
2.2.3.2 Chứng từ sử dụng .....	53
2.2.3.3 Tài khoản sử dụng.....	53
2.2.3.4 Quy trình hạch toán.....	54
2.2.3.5 Ví dụ minh họa.....	54
2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	60
2.2.4.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh.....	60
2.2.4.2 Chứng từ sử dụng .....	60
2.2.4.3 Tài khoản sử dụng .....	60
2.2.4.4 Quy trình hạch toán.....	60
2.2.4.5 Ví dụ minh họa.....	61
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	66
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	66
2.2.6.1 Nội dung xác định kết quả kinh doanh .....	66
2.2.6.2 Chứng từ sử dụng .....	66
2.2.6.3 Tài khoản sử dụng.....	66
2.2.6.4 Quy trình hạch toán.....	67

<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HUY LONG</b> .....	78
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HUY LONG .....	78
3.1.1. Ưu điểm.....	78
3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty .....	80
3.2 MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HUY LONG.....	81
3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.....	81
3.2.3. Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	82
3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh .....	82
3.2.4.1 Hiện đại hóa công tác kế toán .....	82
3.2.4.2 Hoàn thiện việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.....	84
3.2.4.3 Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán chi tiết nhằm xác định chính xác kết quả kinh doanh theo từng mặt hàng tại công ty. ....	89
<b>KẾT LUẬN</b> .....	95

## LỜI MỞ ĐẦU

Công ty Cổ phần thương mại Huy Long là đại lý cấp 1 của hãng sơn Jotun, ngoài ra còn kinh doanh phụ tùng ô tô. Vì xã hội ngày càng hiện đại và phát triển, đô thị hóa nông thôn ngày một gia tăng, ngày càng có nhiều tòa nhà được xây dựng, nhãn hàng sơn Jotun đã trở thành mặt hàng không thể thiếu. Chính vì thế mà công ty đã không ngừng phát triển và mở rộng thị trường.

Hiện nay, kế toán là công cụ quan trọng phục vụ cho việc quản lý nền kinh tế cả về mặt vi mô và vĩ mô. Qua thời gian thực tập tại công ty Cổ phần thương mại Huy Long, em đặc biệt quan tâm đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh của công ty nên em chọn phần hành “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Huy Long” cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm ba chương:

- **Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**
- **Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Huy Long.**
- **Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Huy Long.**

Mặc dù đã rất cố gắng cố gắng tìm hiểu và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban Giám đốc, các cán bộ và nhân viên phòng kế toán cùng với sự chỉ bảo của cô giáo - ThS. Trần Thị Thanh Thảo, em đã nắm bắt được phần nào tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Huy Long. Tuy nhiên, do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

---

## **CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

### **1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.**

#### **1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất đơn, cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ đối với đất nước, tham gia liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong cũng như ngoài nước...

Đồng thời các doanh nghiệp luôn quan tâm đến việc quản lý chi phí, bởi vì nếu chi phí không hợp lý, không đúng với bản chất của nó, đều gây ra những khó khăn trong quản lý và có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định chi tiêu một cách hợp lý cho hiệu quả cao.

Dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra, doanh nghiệp phản ánh đúng đắn kết quả kinh doanh, có như vậy doanh nghiệp mới biết được tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình và biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của quá trình kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với nhà nước. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh với doanh nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

## **1.1.2 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí cho từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời, theo dõi, đôn đốc, thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng.
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và tình hình phân phối kết quả của các hoạt động.
- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng và phân phối kết quả kinh doanh.

## **1.1.3 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

### **1.1.3.1 Doanh thu**

- **Khái niệm**

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Các loại doanh thu**

- ❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...)

Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- ✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- ✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

✓ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng

*Tiêu thụ theo phương pháp trực tiếp:* Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy, hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

*Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý:* Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

*Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng:* Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

*Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp:* Theo phương thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy. kết quả được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau:

✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

✓ Xác định được công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.

✓ Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ *Các khoản giảm trừ doanh thu*

*Chiết khấu thương mại:* là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.

*Giảm giá hàng bán:* là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

*Hàng bán bị trả lại:* là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

*Thuế GTGT phải nộp:* (theo phương pháp trực tiếp) thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần GTGT của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh

nghịệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

*Thuế tiêu thụ đặc biệt:* là loại thu gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

❖ *Thuế xuất khẩu:* là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

❖ *Thu nhập khác*

Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

### 1.1.3.2 Chi phí

#### - Khái niệm

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh dưới các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

#### - Các loại chi phí

❖ *Giá vốn hàng bán:* là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Căn cứ theo chuẩn mực kế toán 02 - “hàng tồn kho” có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng bán.

*Phương pháp bình quân gia quyền:* giá trị của từng loại hàng tồn được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương ứng đầu kỳ và giá trị hàng tồn kho tương tự được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có



thể được tính theo thời kỳ vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của mỗi doanh nghiệp.

*Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):* áp dụng trên giả định hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

*Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):* áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

*Phương pháp tính theo giá đích danh:* được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

❖ *Chi phí quản lý kinh doanh:* là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành... Và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp...

❖ *Chi phí hoạt động tài chính:* là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn...

❖ *Chi phí khác:* là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

❖ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:* là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

✓ Chi phí thuế TNDN hiện hành: là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.



✓ Chi phí thuế TNDN hoãn lại: là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận từ các năm trước.

### 1.1.3.3 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận} \\ \text{gộp về bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch} \\ \text{vụ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array}$$

- *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận} \\ \text{tài chính} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu hoạt động tài chính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí tài} \\ \text{chính} \end{array}$$

- *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận hoạt động khác} = \text{Doanh thu khác} - \text{Chi phí khác}$$

- *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{r} \text{Tổng lợi nhuận} \\ \text{kế toán trước} \\ \text{thuế} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Lợi nhuận từ} \\ \text{hoạt động} \\ \text{SXKD} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Lợi nhuận từ} \\ \text{HĐTC} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Lợi nhuận} \\ \text{khác} \end{array}$$

- *Thuế TNDN phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\begin{array}{r} \text{Thuế TNDN} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Tổng lợi nhuận kế toán} \\ \text{trước thuế} \end{array} \times \begin{array}{r} \text{Thuế suất} \\ \text{thuế TNDN} \end{array}$$

- *Lợi nhuận sau thuế TNDN*: là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Thuế TNDN phải nộp}$$

## 1.2 NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

### 1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

#### 1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- ✓ Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- ✓ Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

#### 1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

- ❖ *Tài khoản 511* - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán toán như dịch vụ vận tải, du lịch,...

- **Kết cấu**

- **Bên nợ:**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp, nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Bên có:**

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

• *Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:*

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118 - Doanh thu hoạt động khác

❖ *Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu*

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách hàng trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

- Kết cấu

**Bên nợ:**

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán;
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

**Bên có:**

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

• *Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tài khoản cấp 2:*

- Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán

❖ *Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*

- Kết cấu

**Bên nợ:**

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước;
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp;
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

**Bên có:**

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước;
- Số dư bên Có: Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

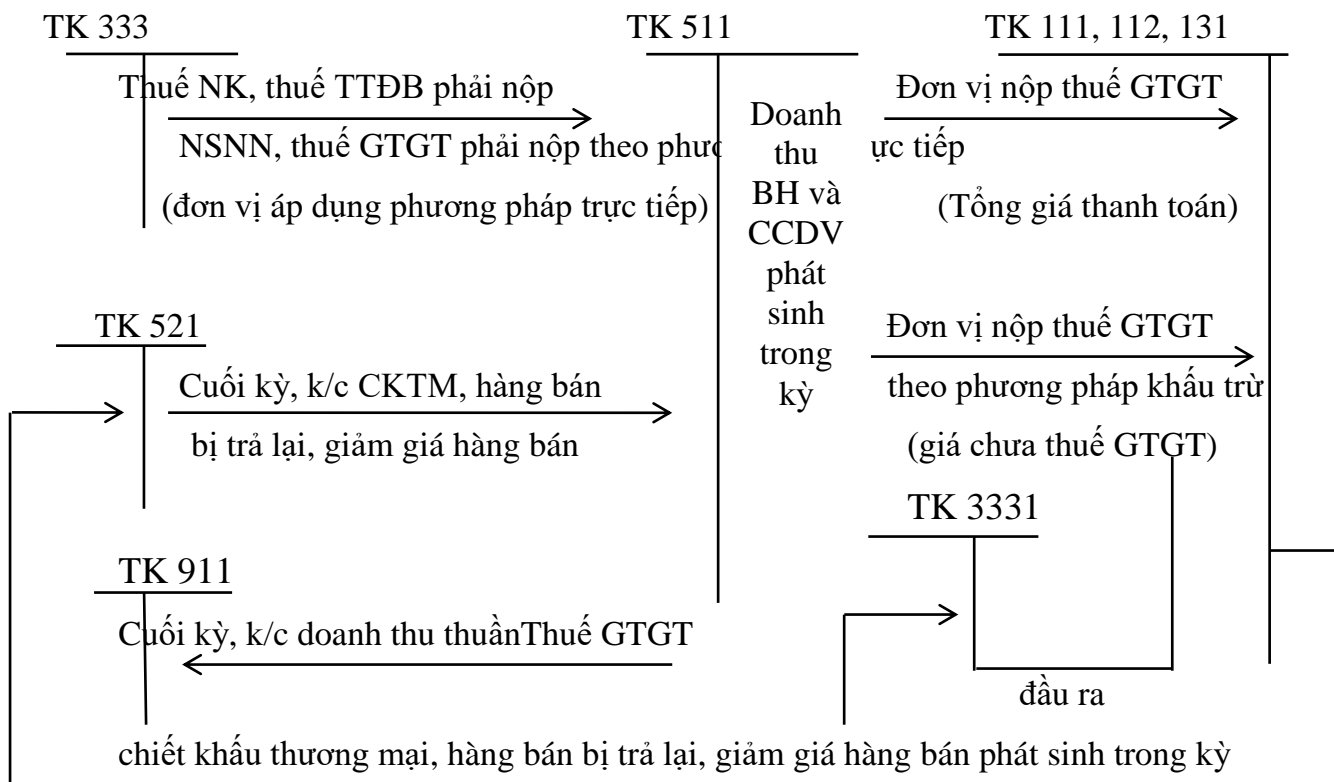
Trong trường hợp cá biệt, tài khoản 333 có thể có số dư bên Nợ. Số dư Nợ (nếu có) của TK 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

❖ *Tài khoản 333: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, có 9 tài khoản cấp 2, trong đó sử dụng 3 tài khoản cấp 2 sau để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:*

- Tài khoản 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp;
- Tài khoản 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt;
- Tài khoản 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu.

**1.2.1.3 Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ được khái quát qua sơ đồ 1.1 như sau:



**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu.**

**1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán**

**1.2.2.1 Chứng từ sử dụng**

- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu chi, giấy báo nợ...

**1.2.2.2 Tài khoản sử dụng**

❖ **Tài khoản 632** - Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

---

- **Kết cấu**

Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

**Bên nợ:**

Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:

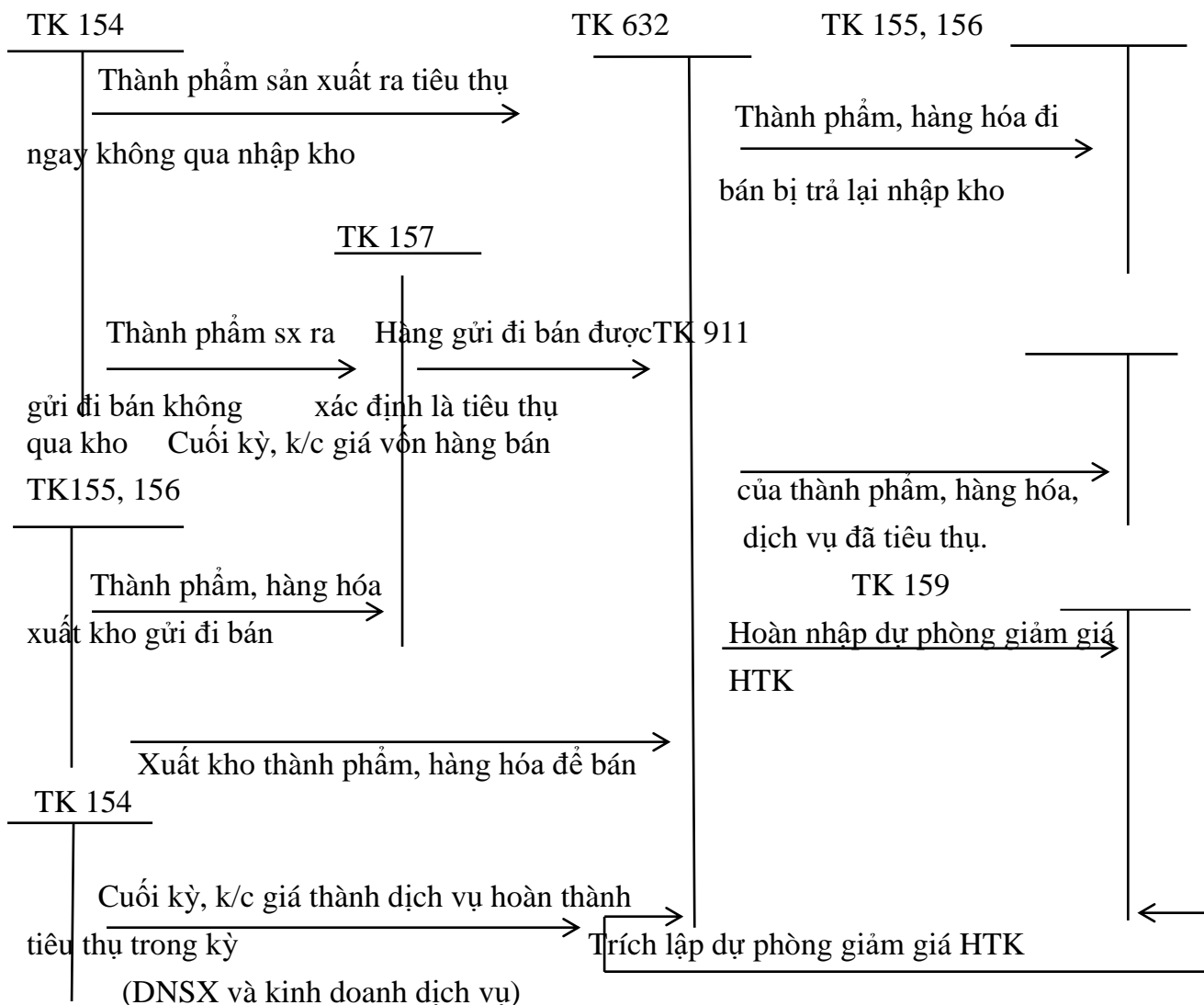
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

**Bên có:**

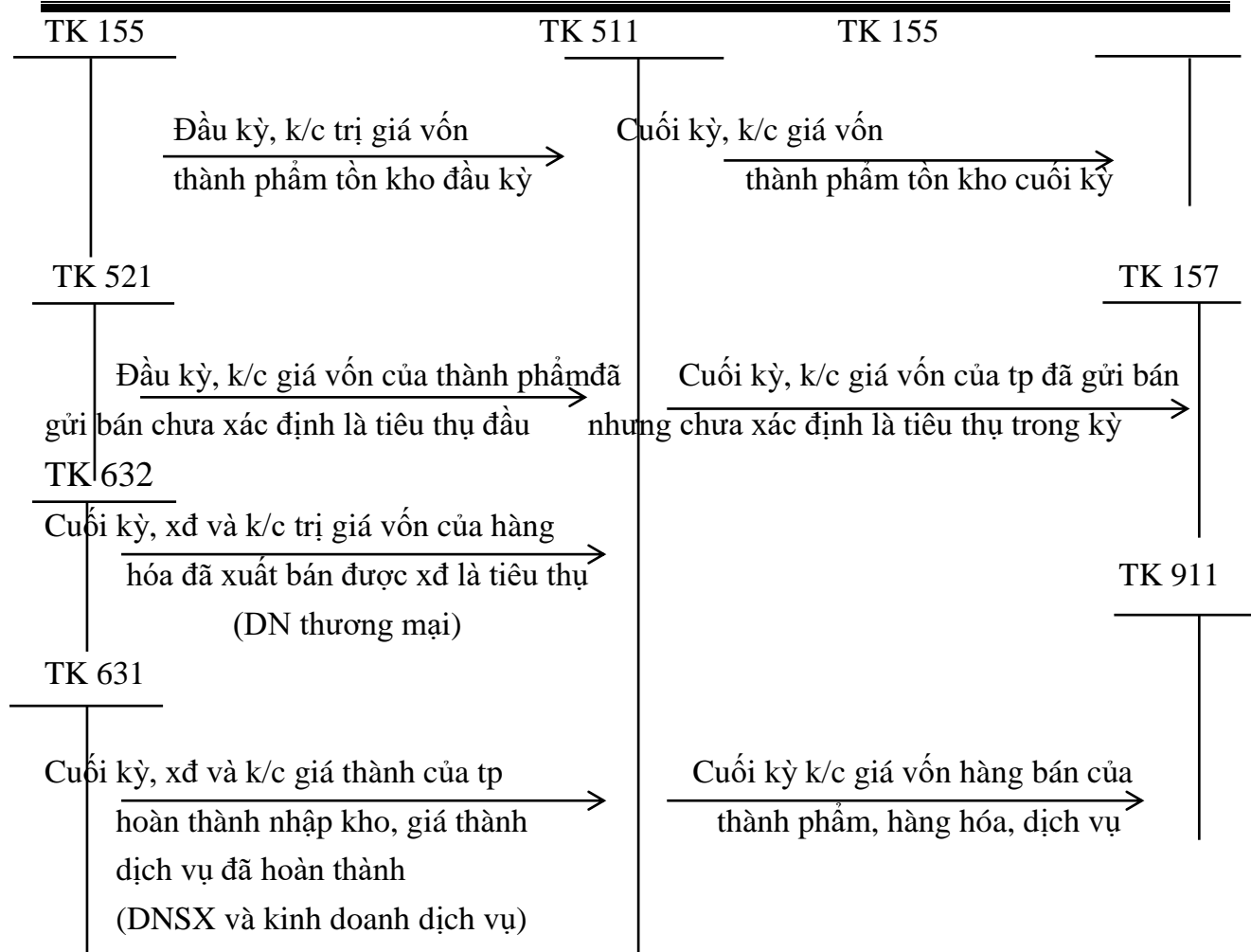
- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”
  - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;
  - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng đã lập năm trước);
  - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

**1.2.2.3 Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua hai sơ đồ 1.2 và 1.3 như sau:



**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn bán hàng theo phương pháp kê khai thường xuyên**



**Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



### 1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

#### 1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Giấy báo có (giấy báo lãi)
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ
- ✓ Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

#### 1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

##### ❖ **Tài khoản 515** - Doanh thu hoạt động tài chính

- Kết cấu

##### **Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 -

“Xác định kết quả kinh doanh”

##### **Bên có:**

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

##### ❖ **Tài khoản 635** - Chi phí tài chính

- Kết cấu

##### **Bên nợ:**

- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;

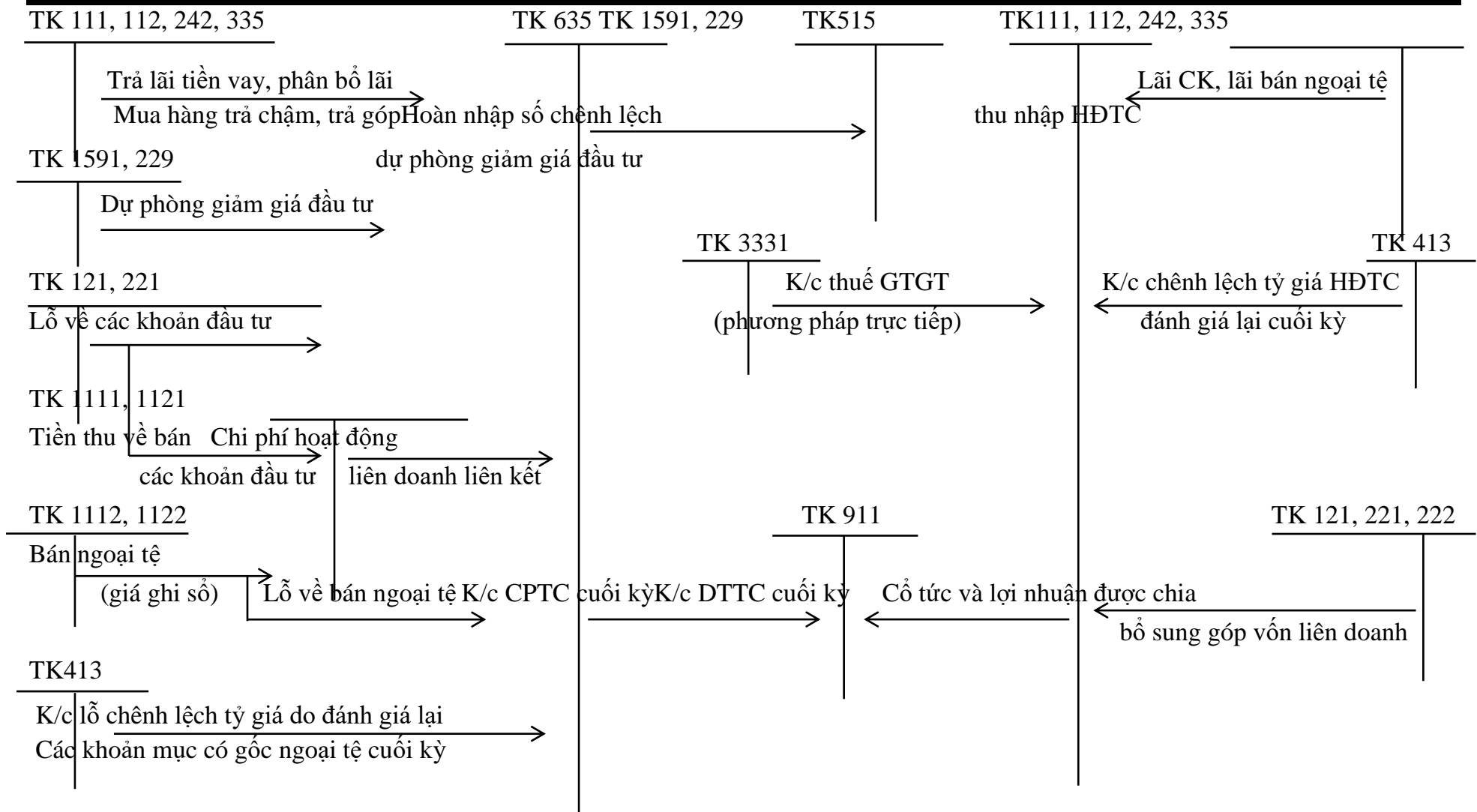
- 
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
  - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái thực hiện);
  - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
  - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
  - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
  - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

**Bên có:**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
  - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

### ***1.2.3.3 Phương pháp hạch toán***

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.4 như sau:



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

## 1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

### 1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Hóa đơn GTGT: giấy báo nợ, phiếu chi
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

### 1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

#### ❖ *Tài khoản 642* - Chi phí quản lý kinh doanh

- Kết cấu

##### **Bên nợ:**

- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

##### **Bên có:**

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

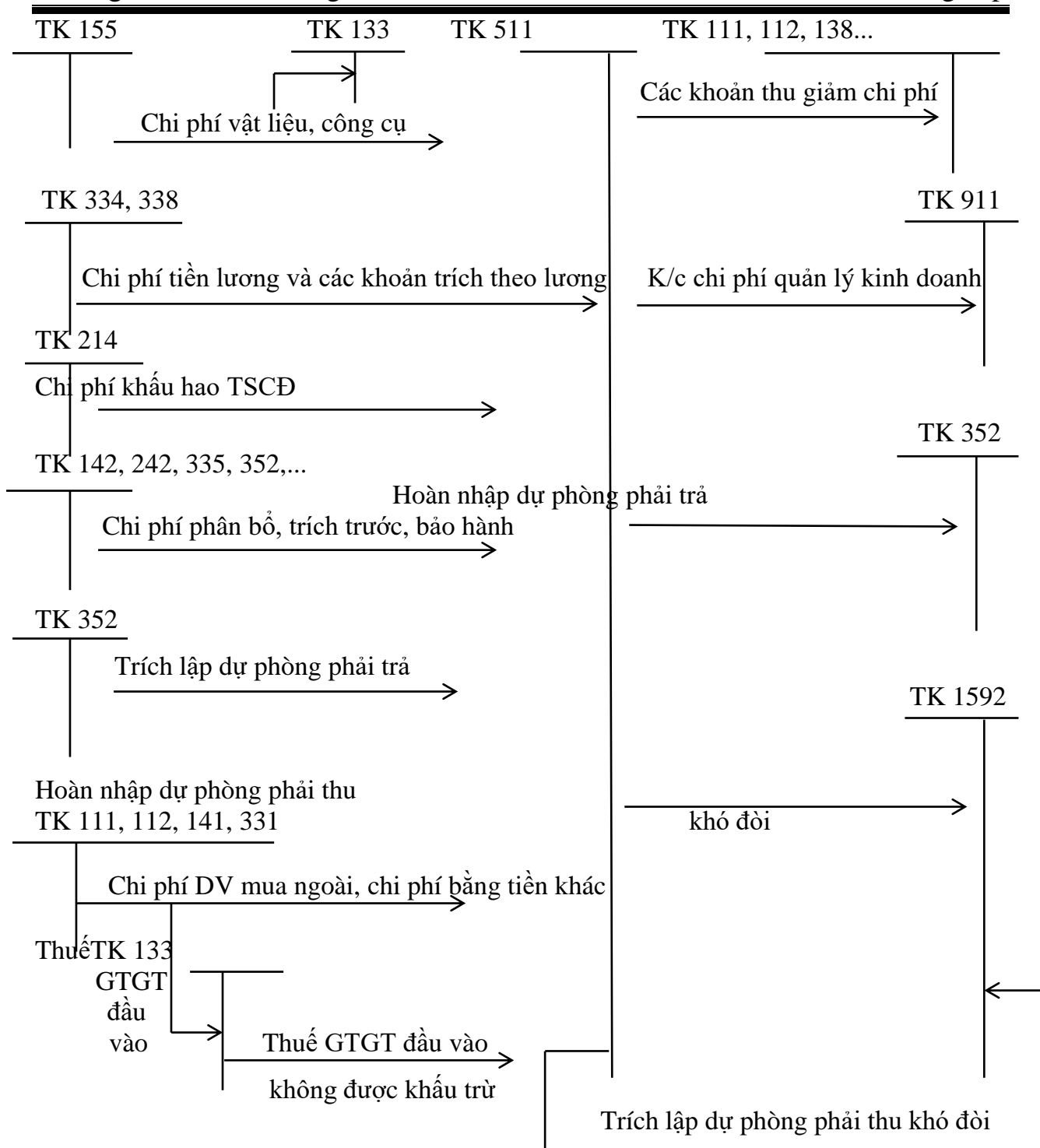
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

*Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:*

- Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

### 1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ 1.5 như sau:



**Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá chi phí quản lý kinh doanh**

## 1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

### 1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Biên bản đánh giá tài sản
- ✓ Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ
- ✓ Biên bản góp vốn liên doanh
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi

### 1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

#### ❖ *Tài khoản 711* - Thu nhập khác

- Kết cấu

##### **Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

##### **Bên có:**

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

#### ❖ *Tài khoản 811* - Chi phí khác

- Kết cấu

##### **Bên nợ:**

Các khoản chi phí khác phát sinh

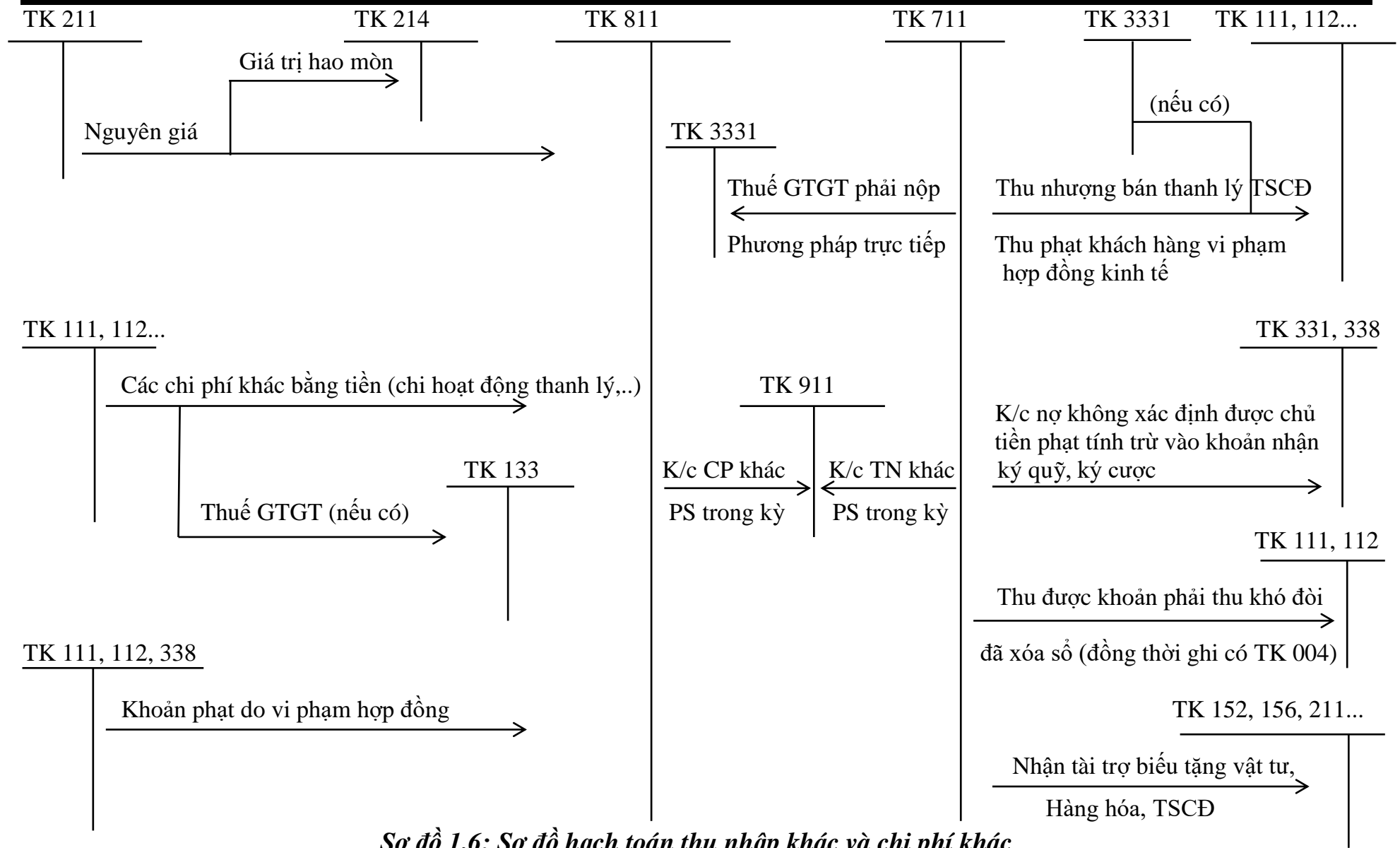
##### **Bên có:**

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 811 không có số dư.

### 1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6 như sau:



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

## 1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

### 1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu kế toán

### 1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

#### ❖ *Tài khoản 911* - Xác định kết quả kinh doanh

- Kết cấu

##### **Bên nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

##### **Bên có:**

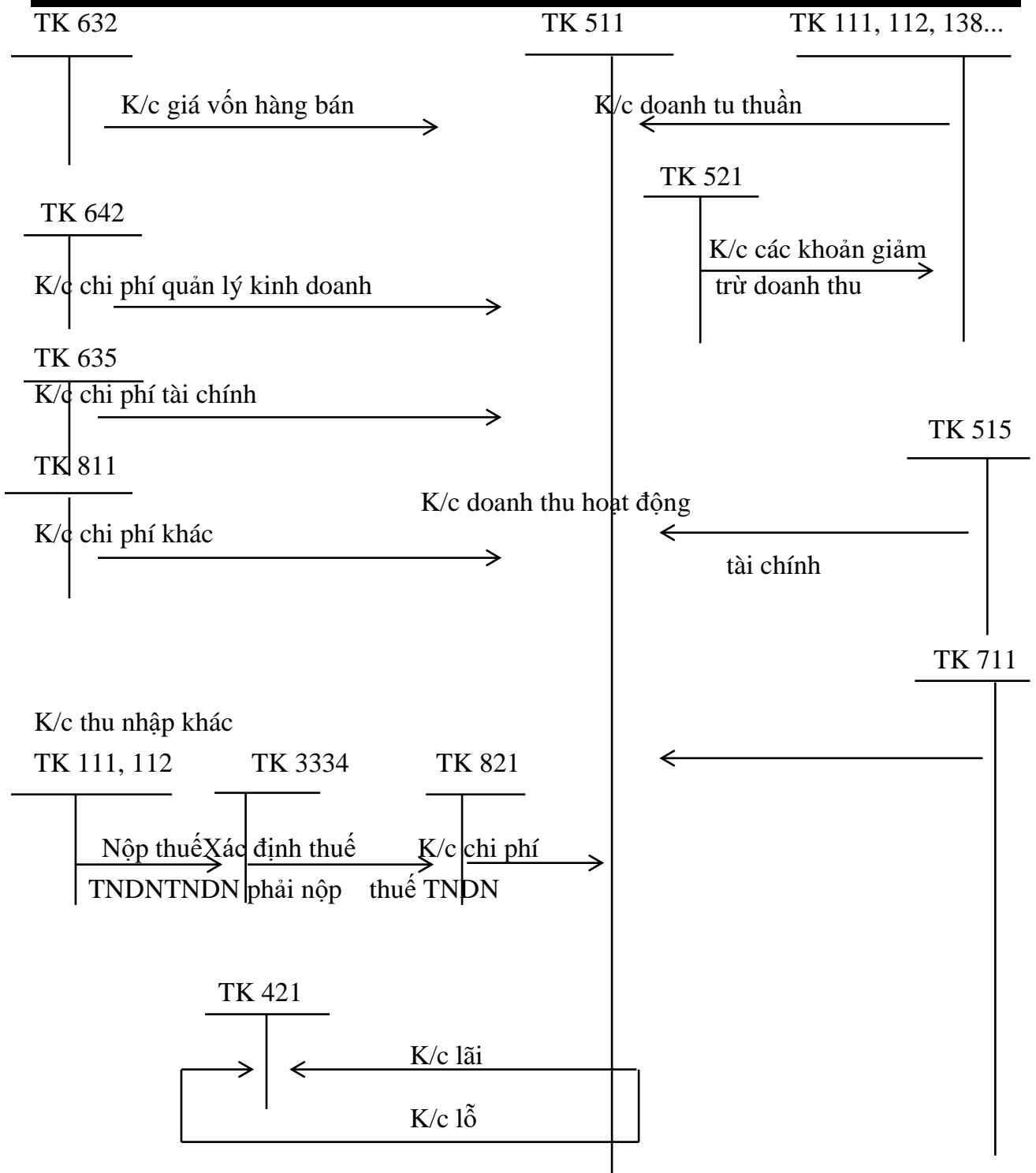
- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

### 1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7 như sau:





**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

---

### **1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

Doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

Hình thức kế toán nhật ký chung

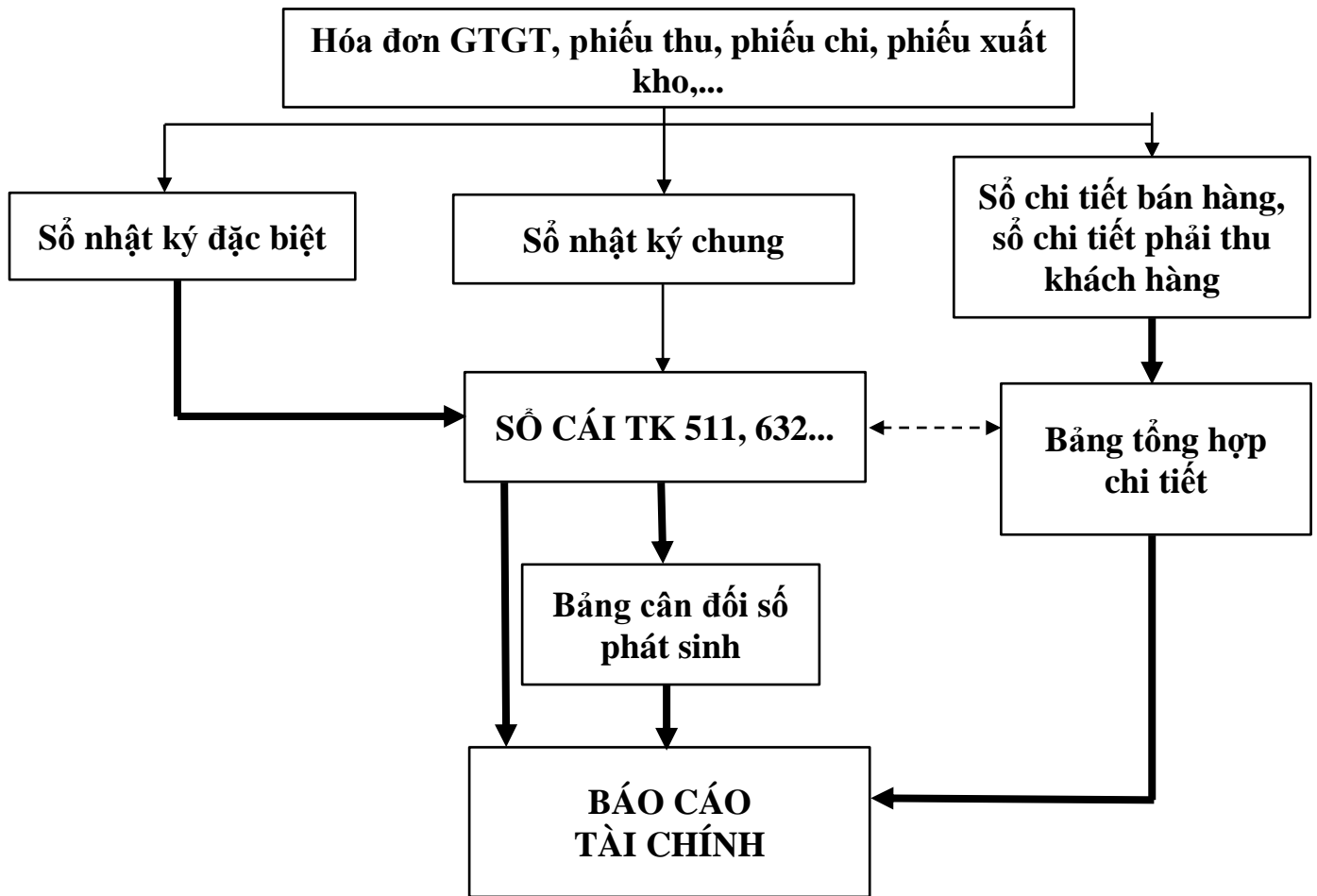
Hình thức kế toán nhật ký - sổ cái

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Hình thức kế toán trên máy vi tính

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung



Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: —————>

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

**Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng để làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

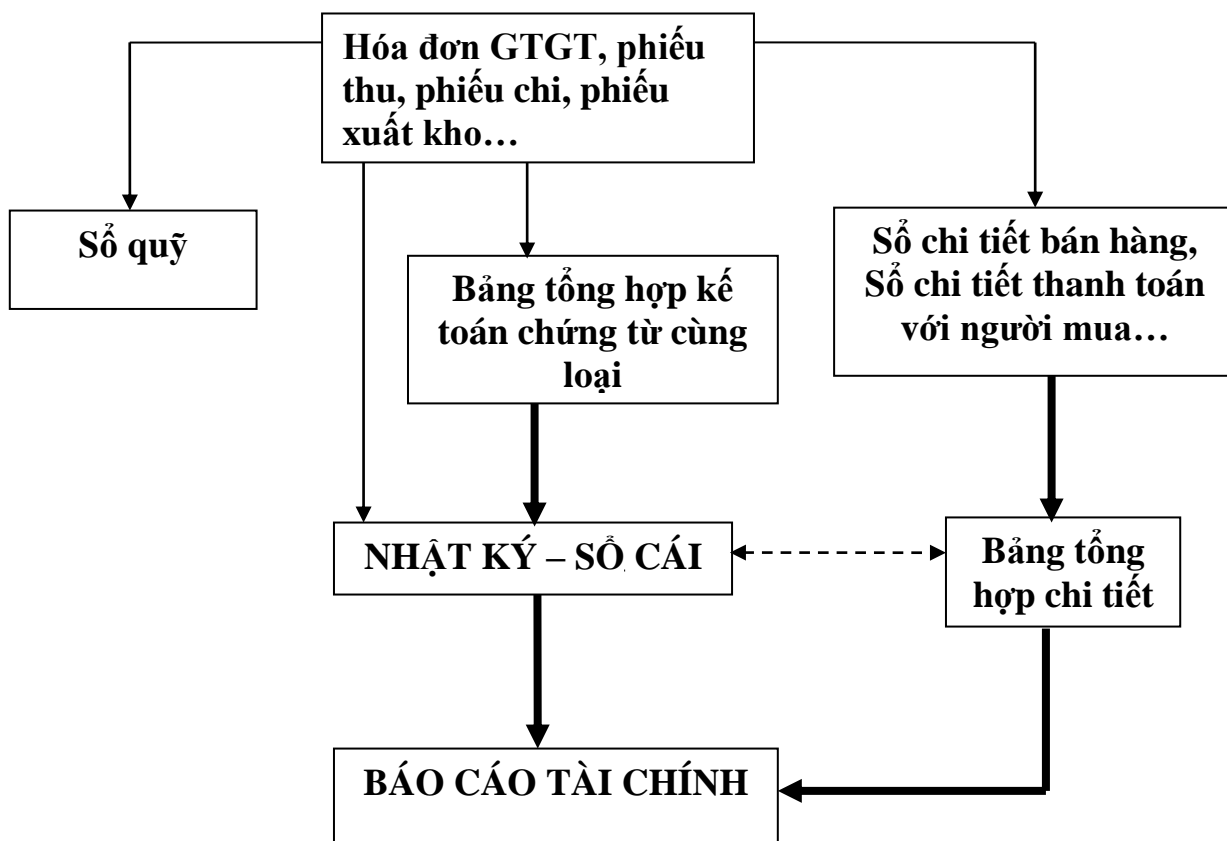
(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

**1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái**

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



*Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái*

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng:  $\longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra:  $\longleftarrow\text{-----}\longrightarrow$

**Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái**

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dung làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (Hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký – Sổ Cái, được dung để ghi vào Sổ, Thẻ chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng: Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký – Sổ Cái.

(3) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký- Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

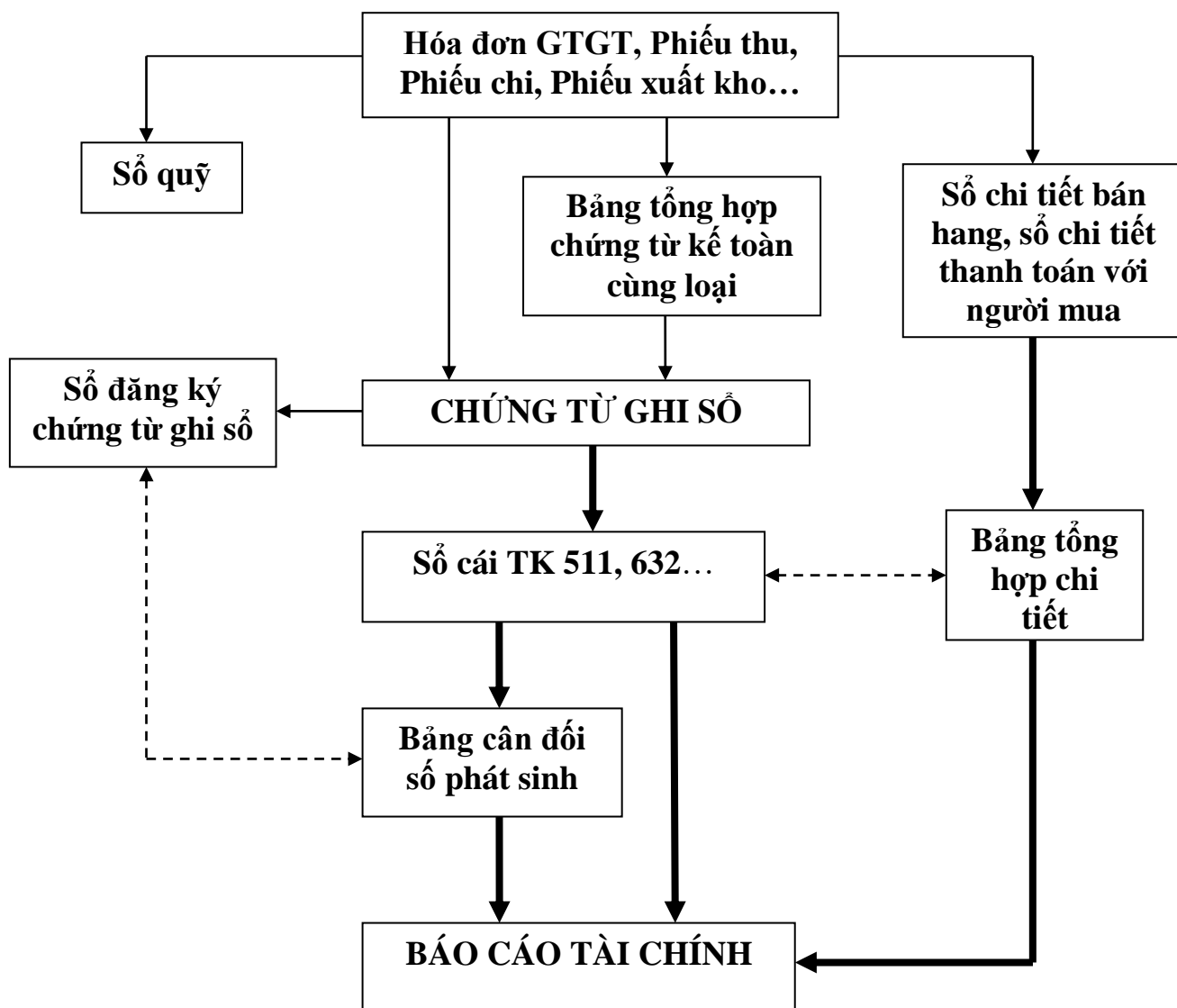
$$\begin{array}{l}
 \text{Tổng số tiền của cột} \\
 \text{“phát sinh” ở phần} \\
 \text{Nhật ký}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Tổng số phát sinh} \\
 \text{nợ của tất cả các} \\
 \text{Tài Khoản}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Tổng số phát sinh} \\
 \text{có của tất cả các} \\
 \text{Tài khoản}
 \end{array}$$

$$\text{Tổng số dư Nợ các Tài khoản} = \text{Tổng số dư có các Tài khoản}$$

(4) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ,

số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu trên Nhật ký – Sổ cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

### 1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày: —————→
- Ghi cuối tháng: —————→
- Đối chiếu, kiểm tra: ←-----→

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

### **Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:**

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán đã được kiểm tra, được dung làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ Lập Chứng từ ghi sổ được dung để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

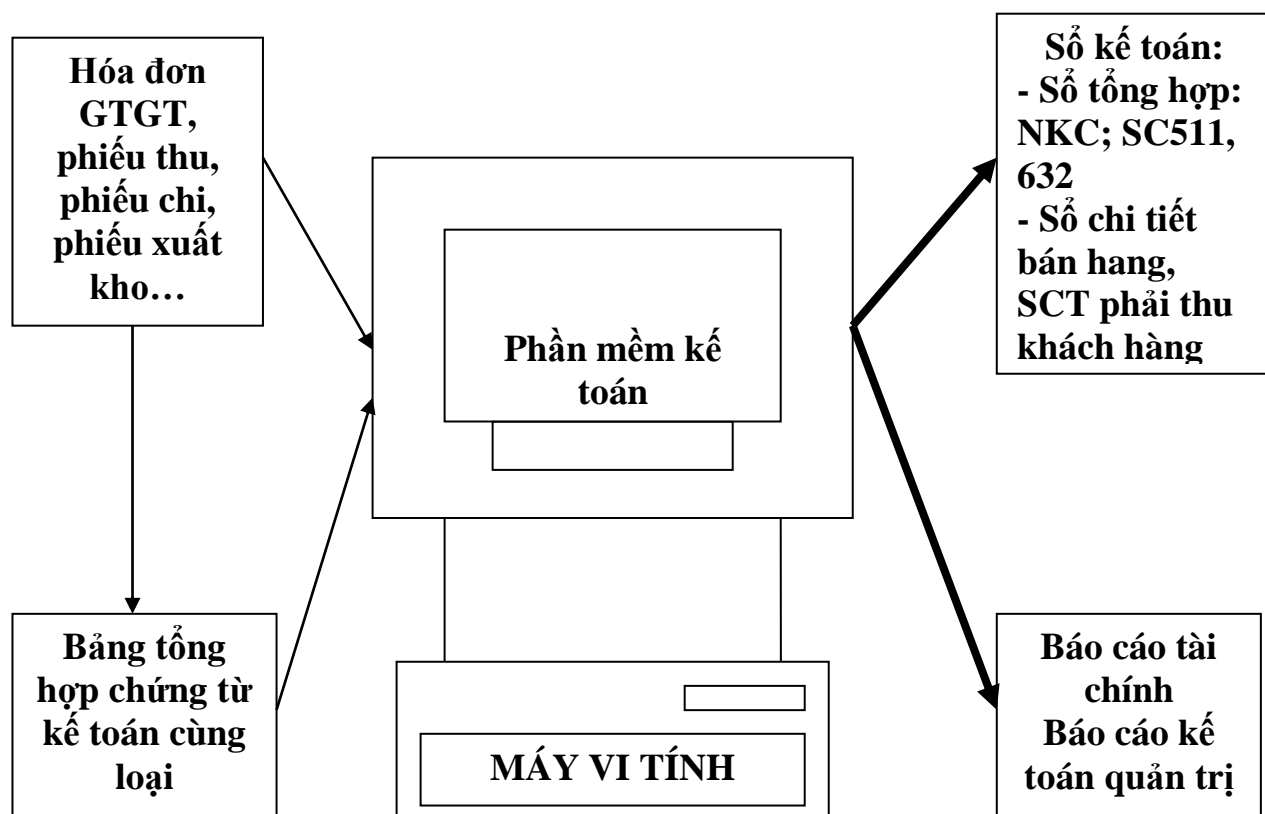
(2) Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dung để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

### **1.3.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính**

#### **Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:**

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



*Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính*

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng:  $\longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra:  $\longleftarrow \text{-----} \longrightarrow$

**Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:**

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy định của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ cái ...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ ào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập Báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác,



---

trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

---

**CHƯƠNG 2****THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ  
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN  
THƯƠNG MẠI HUY LONG****2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HUY  
LONG****2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển**

Tiền thân công ty chỉ là một cửa hàng buôn bán nhỏ một số mặt hàng chuyên dùng cho ngành xây dựng và phụ tùng ô tô. Qua quá trình hình thành và phát triển không ngừng của ngành xây dựng và nhập khẩu ô tô đến năm 2008 công ty chính thức được thành lập với tên gọi Công ty cổ phần thương mại Huy Long theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0203003875 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2008, thay đổi lần 2 ngày 05 tháng 06 năm 2009 với nội dung chính như sau:

- Tên công ty viết bằng tiếng việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HUY LONG

- Địa chỉ trụ sở đặt tại: Thôn Việt Khê - Xã Tân Dân - Huyện An Lão - Thành phố Hải Phòng

- Mã số thuế: **0200785940**

Công ty CPTM Huy Long được thành lập với tổng số vốn điều lệ là 1.900.000.000 đồng. Do ba sáng lập viên cùng góp vốn là Lưu Trọng Hải, Vũ Văn Mừng và Nguyễn Văn Tuyển.

Trải qua hơn 8 năm hoạt động, môi trường hoạt động của Công ty càng cạnh tranh gay gắt hơn về nhu cầu cung ứng dịch vụ bởi số lượng các đơn ngành nghề trên địa bàn tăng nhanh. Với lợi thế xuất phát từ một cửa hàng nhỏ chuyên cung cấp một số mặt hàng chuyên dùng cho ngành xây dựng và phụ tùng ô tô nên Công ty đã có những thuận lợi về cơ sở ban đầu như: Tổ chức, cơ sở vật chất cũng như kinh nghiệm nghiệp vụ và mạng lưới khách hàng. Tập thể Công ty đã định hướng và tiếp tục kiên trì định hướng phát triển đa dạng dịch vụ, xây dựng và phát triển Công ty với nhiều biện pháp cụ thể đồng bộ nên đã hoàn thành toàn diện vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu của những năm vừa qua.

Công ty kinh doanh các lĩnh vực sau:

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Bán buôn sơn, vécni

#### ❖ Chức năng kinh doanh của Công ty:

Công ty CPTM Huy Long với hoạt động chính là mua và bán hàng hóa phụ tùng ô tô và là đại lý cấp 1 của hãng sơn trang trí JOTUN, đây là 2 mặt hàng đầy tiềm năng. Bởi ngành xây dựng và nhập khẩu ô tô đang trên đà phát triển cùng với sự phát triển của xã hội. Điều này mở ra cho công ty nhiều cơ hội kinh doanh, nhưng đồng thời cũng phải đương đầu với các sản phẩm, các hãng kinh doanh khác, đòi hỏi công ty có một sự nhanh nhạy, khéo léo và niềm tin vào khả năng của mình để đứng vững và phát triển.

#### ❖ Nhiệm vụ và quyền hạn của Công ty:

Công ty TMCP Huy Long là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ của mình và được pháp luật bảo vệ. Công ty có chức năng và nhiệm vụ sau:

- Xây dựng, tổ chức và thực hiện các mục tiêu kế hoạch do Nhà nước đề ra, sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký, đúng mục đích thành lập
- Tuân thủ chính sách, chế độ pháp luật của Nhà nước về quản lý quá trình thực hiện sản xuất và tuân thủ những quy định trong các hợp đồng kinh doanh với các bạn hàng trong và ngoài nước
- Quản lý và sử dụng vốn theo đúng quy định và đảm bảo có lãi
- Thực hiện việc nghiên cứu phát triển nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như thu nhập của người lao động, nâng cao sức cạnh tranh của công ty trên thị trường trong và ngoài nước
- Chịu sự kiểm tra và thanh tra của các cơ quan Nhà nước, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật
- Thực hiện những quy định của Nhà nước về bảo vệ quyền lợi của người lao động, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững, thực hiện đúng những tiêu chuẩn kỹ thuật mà công ty áp dụng cũng như những quy định có liên quan tới hoạt động của công ty.

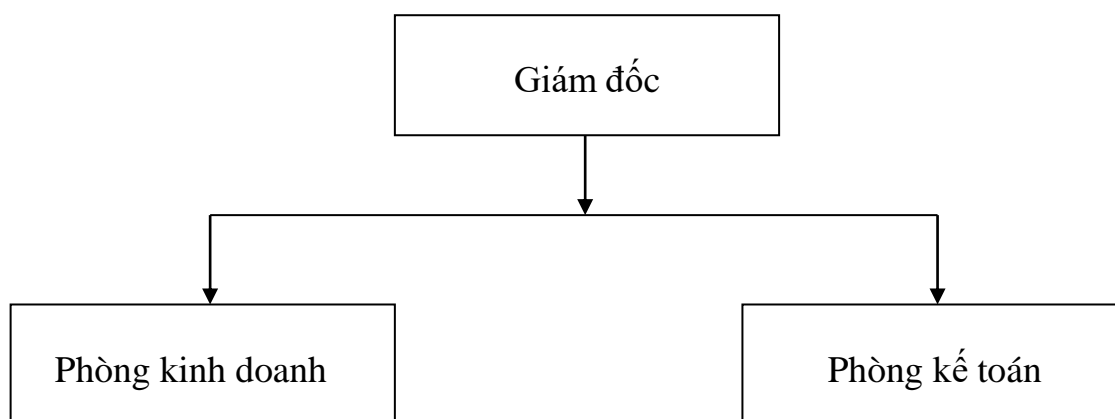
*Để tăng tính chủ động trong hoạt động kinh doanh, công ty có quyền hạn sau:*

- Được chủ động đàm phán, ký kết và thực hiện những hợp đồng sản xuất kinh doanh. Tổng Giám đốc công ty là người đại diện cho công ty

về quyền lợi, nghĩa vụ sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật hiện hành

- Tham gia các hoạt động nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh như quảng cáo, triển lãm sản phẩm, mở các đại lý bán hàng
- Hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng tại ngân hàng ....

### 2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty



*Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty*

#### ❖ Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong công ty

- **Giám đốc:** Là người đứng đầu đại diện theo pháp luật của Công ty, là người quản lý điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Giám đốc có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, bảo vệ quyền lợi cho cán bộ công nhân viên, quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong Công ty, phụ trách chung về vấn đề tài chính, đối nội, đối ngoại.

- **Phòng kinh doanh:** Chịu trách nhiệm thực hiện việc mua sắm hàng hóa đầu vào, giao dịch với khách hàng, tìm kiếm nguồn khách hàng, quảng cáo, xúc tiến tiêu thụ hàng hóa, thực hiện các dịch vụ sau bán hàng...

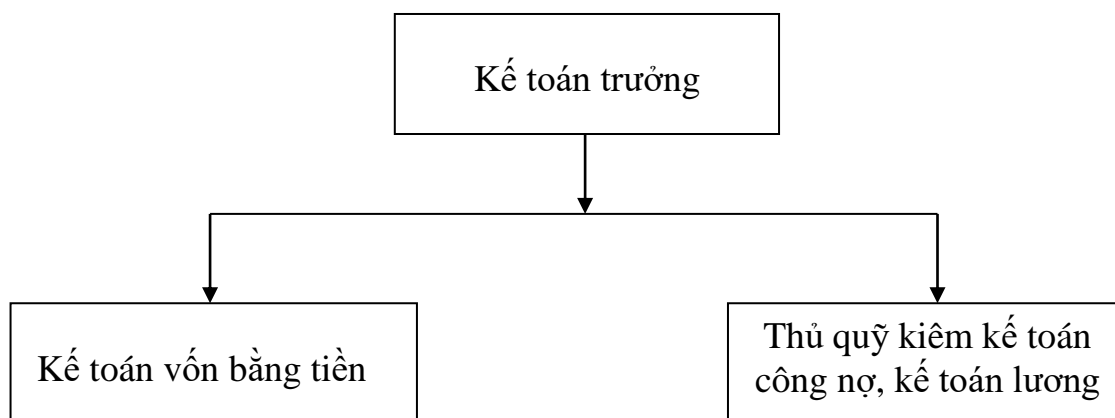
- **Phòng kế toán:** Chức năng giúp việc về lĩnh vực thống kê - kế toán tài chính. Đồng thời có trách nhiệm trước Nhà nước theo dõi kiểm tra giám sát tình hình thực hiện thu chi tài chính và hướng dẫn thực hiện hạch toán kế toán, quản lý tài chính đúng nguyên tắc, hạch toán chính xác, báo cáo kịp thời cho lãnh đạo và cơ quan quản lý, bảo vệ định mức vốn lưu động, tiến hành thủ tục vay vốn, xin cấp vốn, thực hiện kế hoạch và phân tích thực hiện phương án, biện pháp làm giảm chi phí, bảo quản hồ sơ và tài liệu kế toán, phát huy và ngăn ngừa kịp

thời những hành vi tham ô, lãng phí, vi phạm chế độ chính sách kế toán - tài chính của Nhà nước, các khoản chi phí, thuế.

### 2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần thương mại Huy Long

#### 2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

Để đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của lãnh đạo doanh nghiệp cũng như sự chỉ đạo kịp thời của kế toán trưởng, Công ty CPTM Huy Long tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung. Toàn bộ công tác kế toán được tiến hành tập trung tại phòng kế toán trung tâm của công ty. Căn cứ vào chứng từ được gửi về và các chứng từ thu thập từ các bộ phận liên quan, phòng tài chính kế toán tiến hành toàn bộ công tác kế toán. Thực tiễn hoạt động cho thấy, hình thức tổ chức công tác kế toán này đã phát huy được đầy đủ những ưu điểm đó, đặc biệt trong điều kiện công tác kế toán của công ty đã được vi tính hóa.



Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán công ty CPTM Huy Long

#### ❖ Chức năng nhiệm vụ của từng vị trí

- **Kế toán trưởng:** Chịu trách nhiệm trước giám đốc về công tác kế toán, quản lý tài chính của công ty và mọi hoạt động của phòng. Có trách nhiệm tổ chức bộ máy kế toán thống nhất, ghi chép phản ánh trung thực quá trình kinh doanh tại DN. Giúp giám đốc tìm nguồn vốn đảm bảo thỏa mãn nhu cầu cho vốn cho quá trình kinh doanh, kiểm tra giám sát việc chấp hành các quy chế, quy định của Nhà nước về lĩnh vực tài chính đối với hoạt động kinh doanh của DN, việc xây dựng và thực hiện các hợp đồng kinh tế, các chương trình khuyến mại, hỗ trợ và giảm giá hàng hóa... giúp giám đốc phân phối một cách hợp lý thu nhập bằng tiền của DN cho việc bù đắp các chi phí đã bỏ ra để hình thành các quỹ của DN.

- **Kế toán vốn bằng tiền:** Theo dõi sự thay đổi tỷ giá tại thời điểm ghi nợ, thời điểm thanh toán, từ đó xử lý chênh lệch tỷ giá. Kiểm kê các giấy tờ, các hợp

đồng có sự tham gia của ngân hàng, theo dõi các khoản vay nợ và trả nợ với ngân hàng, theo dõi các khoản thu chi tạm ứng tiền mặt của Công ty, quản lý vốn tiền mặt của Công ty.

- **Thủ quỹ kiêm kế toán công nợ, kế toán lương:**

+ **Thủ quỹ:** Phản ánh thu, chi, tồn quỹ tiền mặt hàng ngày đối chiếu tồn quỹ thực tế với sổ sách để phát hiện những sai sót và xử lý kịp thời đảm bảo thực tế tiền mặt bằng số dư trên sổ sách.

+ **Kế toán công nợ, kế toán lương:** Phản ánh các khoản nợ phải thu, nợ phải trả và các khoản phải nộp, phải cấp cũng như tình hình thanh toán và còn phải thanh toán. Đồng thời ghi chép các nghiệp vụ thanh toán và tính tiền lương, các khoản trích theo lương tiến hành phân bổ các khoản chi phí lương, chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

### **2.1.3.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty**

- **Niên độ kế toán :** Công ty thực hiện niên độ kế toán theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

- **Đơn vị tiền tệ sử dụng :** Đồng Việt Nam ( VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

- **Phương pháp tính thuế GTGT :** Công ty áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên giá trị hàng tồn kho bao gồm giá mua cộng với thuế nhập khẩu , chi phí vận chuyển , bốc dỡ...

- **Phương pháp tính giá xuất kho:** Nhập trước – Xuất trước.

- **Phương pháp khấu hao tài sản cố định:** Phương pháp khấu hao đường thẳng.

### **2.1.3.3 Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán**

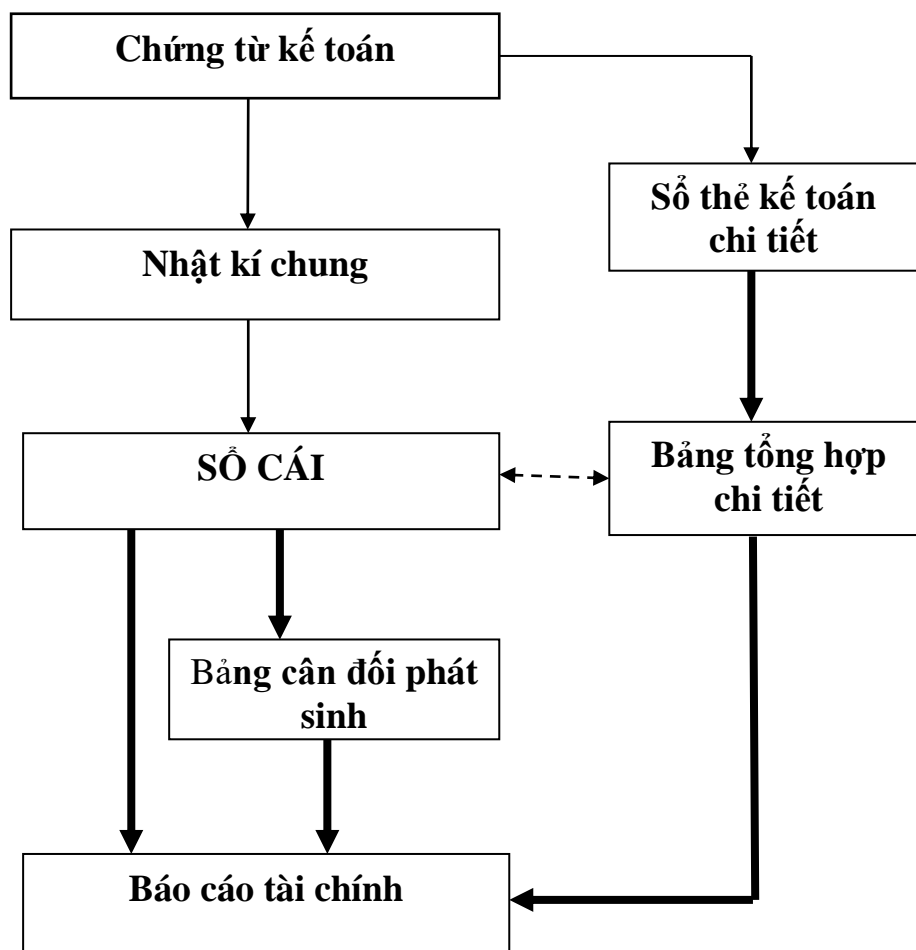
Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính, hệ thống chứng từ của công ty sử dụng theo đúng quyết định của Bộ Tài chính.

### **2.1.3.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán**

Công ty áp dụng là hình thức kế toán “Nhật ký chung”. Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán “Nhật ký chung” là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan

hệ đối ứng tài khoản vào sổ NKC, sau đó từ sổ NKC vào Sổ cái các tài khoản, từ Sổ cái các tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty CPTM Huy Long được khái quát theo sơ đồ 2.3 như sau:



**Sơ đồ 2.3: Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty**

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng:  $\longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra:  $\leftarrow\text{-----}\rightarrow$

**2.1.3.5 Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính**

Theo quy định hiện hành hệ thống Báo cáo tài chính của công ty bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03-DN)
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (B09-DN)



## **2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HUY LONG**

### **2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty**

#### **2.2.1.1 Nội dung doanh thu bán hàng tại công ty**

Công ty CPTM Huy Long là một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh thương mại. Doanh thu bán hàng của công ty bao gồm doanh thu bán các loại hàng hóa như sơn, vecni...

Công ty CPTM Huy Long đã sử dụng hai phương thức bán hàng chủ yếu là: bán buôn và bán lẻ.

- Bán buôn: là hình thức bán hàng chủ yếu của công ty. Những đối tượng bán buôn thường là các doanh nghiệp, công ty lớn hoạt động sản xuất kinh doanh trong cùng lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ và đại lý phân phối bán lẻ của Công ty.

- Bán lẻ: là phương thức giúp doanh nghiệp tiêu thụ nhanh hơn. Khách hàng chủ yếu là cá nhân, tổ chức có nhu cầu.

Để tạo điều kiện cho khách hàng Công ty sử dụng phương thức thanh toán là thanh toán ngay bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng.

#### **2.2.1.2 Chứng từ sử dụng**

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng;
- Hóa đơn GTGT;
- Các chứng từ thanh toán, phiếu thu, giấy báo có;
- Các chứng từ khác có liên quan.

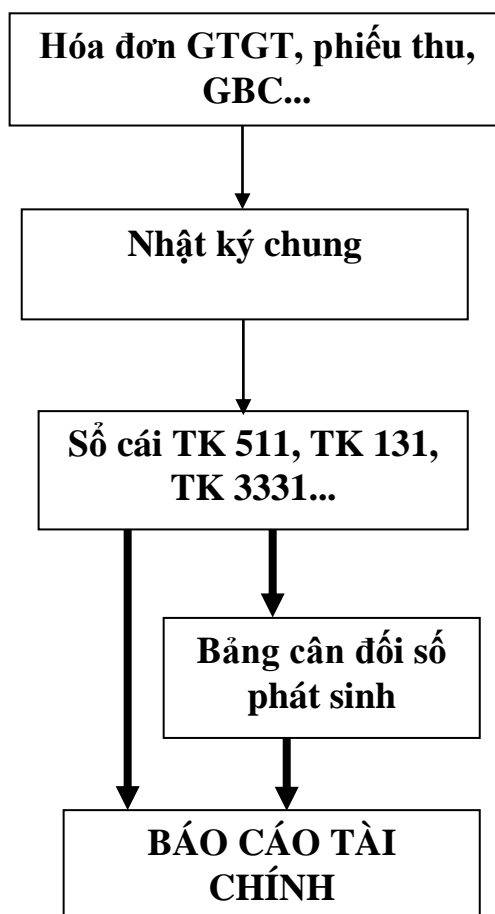
#### **2.2.1.3 Tài khoản sử dụng**

- TK 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- TK 3331 - “Thuế GTGT đầu ra”
- TK 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”
- Các tài khoản khác.

#### **2.2.1.4 Quy trình hạch toán**

Khi nhận được đơn đặt hàng, yêu cầu đặt hàng của khách hàng kế toán viết phiếu xuất kho hàng hóa, phiếu xuất kho sau khi được viết xong được chuyển cho thủ kho để xuất kho hàng hóa cho khách hàng. Khi xuất kho thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại hàng hóa có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không. Từ đó, kế toán sẽ lập hóa đơn GTGT về bán hàng hóa.





Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu tại Công ty

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày: —————→

Ghi cuối tháng: —————→

**2.2.1.5 Ví dụ minh họa**

**Ví dụ 1:** Ngày 02/12/2015 phát sinh nghiệp vụ bán hàng cho anh Tuấn một số mặt hàng sơn với giá chưa thuế GTGT 10% là 71.230.000, đã thu bằng tiền mặt. Giá vốn lô hàng là 64.748.250.

**Ví dụ 2:** Ngày 09/12/2015 phát sinh nghiệp vụ bán hàng cho chị Mai một số mặt hàng sơn với giá chưa thuế GTGT 10% là 46.639.000, chị Mai đã thanh toán qua chuyên khoản. Giá vốn lô hàng là 42.393.930.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0000768 (biểu số 2.1), hóa đơn GTGT 000774 (biểu số 2.2), phiếu thu 044 (biểu số 2.3), giấy báo có ngân hàng (biểu số 2.4) kế toán ghi sổ nhật ký chung như biểu 2.5.

- Từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 511 như biểu 2.6.

- Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

**Biểu số 2.1:**

<p><b>HÓA ĐƠN</b>  <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>  <i>Liên 3: Nội bộ</i>                  Ngày 02 tháng 12 năm 2015</p>			<p><b>Mẫu số: 01GTKT3/001</b>  <b>Ký hiệu: AA/13P</b>  <b>Số: 0000768</b></p>		
<p>Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HUY LONG</b>                  Mã số thuế: 0200785940                  Địa chỉ: Thôn Việt Khê, Xã Tân Dân, Huyện An Lão, TP. Hải Phòng                  Điện thoại: 0313.572100                  Số tài khoản:.....tại Ngân hàng.....</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: Anh Tuấn                  Đơn vị: .....                  Mã số thuế:.....Hình thức thanh toán: TM                  Địa chỉ: Cổng trường THPT Quốc Tuấn, Xã Quốc Tuấn, H.An Lão, TP. Hải Phòng                  Số tài khoản:.....tại Ngân hàng.....</p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Bột bả trong nhà	Bao	40	230.000	9.200.000
2	Sơn lót trong 17l	Thùng	06	1.041.000	6.246.000
3	Sơn trong nhà 5l	Lon	50	658.000	32.900.000
4	Bột bả ngoài trời	Bao	16	306.000	4.896.000
5	Sơn lót ngoài 17l	Thùng	03	1.412.000	4.236.000
6	Sơn ngoài trời 5l	Lon	18	764.000	13.752.000
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>71.230.000</b>
<b>Thuế suất GTGT: 10%</b>				<b>Tiền thuế GTGT:</b>	<b>7.123.000</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>78.353.000</b>
<p><i>Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi tám triệu ba trăm năm mươi ba ngàn đồng chẵn.</i></p>					
<p><b>Người mua hàng</b>                  (Ký, ghi rõ họ tên)</p> <p>(Đã ký)</p>		<p><b>Người bán hàng</b>                  (Ký, ghi rõ họ tên)</p> <p>(Đã ký)</p>		<p><b>Thủ trưởng đơn vị</b>                  (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</p> <p>(Đã ký)</p>	

**Biểu số 2.2:**

<p><b>HÓA ĐƠN</b>  <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>  <i>Liên 3: Nội bộ</i>                  Ngày 09 tháng 12 năm 2015</p>			<p><b>Mẫu số: 01GTKT3/001</b>  <b>Ký hiệu: AA/13P</b>  <b>Số: 0000774</b></p>		
<p>Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HUY LONG</b>                  Mã số thuế: 0200785940                  Địa chỉ: Thôn Việt Khê, Xã Tân Dân, Huyện An Lão, TP. Hải Phòng                  Điện thoại: 0313.572100                  Số tài khoản:.....tại Ngân hàng.....</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: Chị Mai                  Đơn vị: .....                  Mã số thuế:.....Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán                  Địa chỉ: Số 34 - Phan Đăng Lưu - Trần Thành Ngọ - Kiến An - Hải Phòng                  Số tài khoản:.....tại Ngân hàng.....</p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Bột bả trong nhà	Bao	30	230.000	6.900.000
2	Sơn lót trong 17l	Thùng	05	1.041.000	5.205.000
3	Sơn trong nhà 5l	Lon	40	658.000	26.320.000
4	Bột bả ngoài trời	Bao	13	306.000	3.978.000
5	Sơn lót ngoài 17l	Thùng	03	1.412.000	4.236.000
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>46.639.000</b>
<b>Thuế suất GTGT: 10%</b>				<b>Tiền thuế GTGT:</b>	<b>4.663.900</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>51.302.900</b>
<p><i>Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi một triệu ba trăm linh hai nghìn chín trăm đồng.</i></p>					
<p><b>Người mua hàng</b>  <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p> <p style="text-align: center;">(Đã ký)</p>		<p><b>Người bán hàng</b>  <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p> <p style="text-align: center;">(Đã ký)</p>		<p><b>Thủ trưởng đơn vị</b>  <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i></p> <p style="text-align: center;">(Đã ký)</p>	

**Biểu số 2.3:**

**Đơn vị: Công ty CP TM Huy Long**

**Mẫu số: 01 - TT**

**Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP** (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

# PHIẾU THU

*Ngày 02 tháng 12 năm 2015*

Quyển số:

Số: PT 044

Nợ: 1111

Có: 511

Có: 3331

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Nền

Địa chỉ: Nhân viên - Kế toán

Đơn vị công tác (DN): Công ty CPTM Huy Long

Lý do nộp: Thu tiền bán hàng

Số tiền: 78.353.000 (Viết bằng chữ): Bảy mươi tám triệu ba trăm năm mươi ba ngàn đồng.

Kèm theo: .....Chứng từ gốc.

*Ngày 02 tháng 12 năm 2015*

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người nộp tiền</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bảy mươi tám triệu ba trăm năm mươi ba ngàn đồng./.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....

+ Số tiền quy đổi: .....

\* Để theo dõi quá trình bán hàng và doanh thu bán hàng, kế toán căn cứ vào chứng từ để ghi vào các sổ kế toán có liên quan.

**Biểu số 2.4:**

**Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam**



**GIẤY BÁO CỐ**

Ngày 21/12/2015

GDV: NGUYEN THU HANG

Mã KH: 44048

Số GD: 43

**Kính gửi: Công ty CPTM Huy Long**

**Mã số thuế: 0200785940**

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

**Số tài khoản ghi có** 1020001421756

**Số tiền bằng số** 51.302.900

**Số tiền bằng chữ** Năm mươi một triệu ba trăm linh hai nghìn chín trăm đồng.

**Nội dung** Chị Mai thanh toán tiền hàng ngày 09/12/2015.

**GIAO DỊCH VIÊN**

*Teller*

**KIỂM SOÁT**

*Supervisor*

(Đã ký)

(Đã ký)

**Biểu số 2.5:**

**Đơn vị: Công ty CP TM Huy Long**

**Mẫu số: S03a-DNN**

**Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2015**

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
02/12	PX 043	02/12	Xuất kho bán hàng cho anh Tuấn	632	64.748.250	
				156		64.748.250
02/12	PT 044	02/12	Doanh thu bán hàng cho anh Tuấn	111	78.353.000	
				511		71.230.000
				3331		7.123.000
			.....			
09/12	PX 047	09/12	Xuất kho bán hàng cho chị Mai	632	42.393.930	
				156		42.393.930
09/12	GBC 43	09/12	Doanh thu bán hàng cho chị Mai	112	51.302.900	
				511		46.639.000
				3331		4.663.900
			.....			
			<b>Cộng cuối năm</b>		<b>61.303.155.491</b>	<b>61.303.155.491</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

**Biểu số 2.6:**

**Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long**

**Mẫu số: S03b-DNN**

**Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng**

**Tài khoản: 511**

**Năm 2015**

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, Tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			<b><u>Số dư đầu tháng</u></b>			
			.....			
02/12	PT 044	02/12	Doanh thu bán hàng cho anh Tuấn	111		71.230.000
			.....			
09/12	GBC 43	09/12	Doanh thu bán hàng cho chị Mai	112		46.639.000
			.....			
31/12	KC 01	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	8.333.039.951	
<b>Cộng số phát sinh tháng</b>					<b><u>8.333.039.951</u></b>	<b><u>8.333.039.951</u></b>
<b><u>Số dư cuối tháng</u></b>						

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)  
(Đã ký)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)  
(Đã ký)

*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)  
(Đã ký)

---

## 2.2.2 Kế toán giá vốn bán hàng

### 2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng hóa đã bán trong kỳ. Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước - xuất trước.

Việc tính toán giá trị giá vốn hàng xuất bán có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi có tính toán đúng trị giá vốn hàng xuất bán mới xác định chính xác kết quả bán hàng. Do đó, nếu không phản ánh đúng trị giá vốn sẽ dẫn tới kết quả bán hàng bị sai lệch đi.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn của hàng hóa} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hóa} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất} \\ \text{xuất kho} \end{array}$$

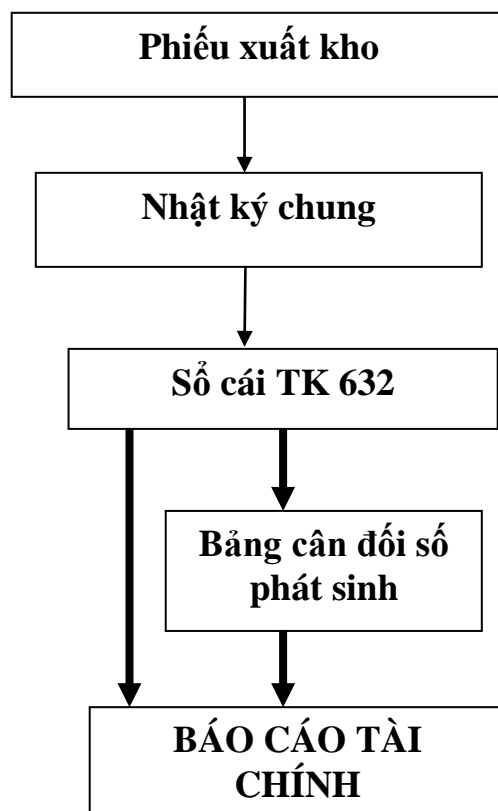
### 2.2.2.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho;
- Các chứng từ khác có liên quan.

### 2.2.2.3 Tài khoản sử dụng

- TK 632: giá vốn hàng bán
- TK 156: hàng hóa
- TK 111, 112...



**2.2.2.4 Quy trình hạch toán****Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty****Ghi chú:**Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$ Ghi cuối tháng:  $\longrightarrow$ **2.2.2.5 Ví dụ minh họa**

**Ví dụ 1:** Ngày 02/12/2015 phát sinh nghiệp vụ bán hàng cho anh Tuấn một số mặt hàng sơn với giá chưa thuế GTGT 10% là 71.230.000, đã thu bằng tiền mặt. Giá vốn lô hàng là 64.748.250.

**Ví dụ 2:** Ngày 09/12/2015 phát sinh nghiệp vụ bán hàng cho chị Mai một số mặt hàng sơn với giá chưa thuế GTGT 10% là 46.639.000, chị Mai đã thanh toán qua chuyển khoản. Giá vốn lô hàng là 42.393.930.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0000768 (biểu số 2.1), hóa đơn GTGT 0000774 (biểu số 2.2), phiếu xuất kho 043 (biểu số 2.7), phiếu xuất kho 047 (biểu số 2.8) kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu 2.9).

- Từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 632 (biểu số 2.10).

- Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

---

Tính đơn giá xuất kho Sơn lót trong 17l theo phương pháp nhập trước xuất trước:

Tồn đầu kỳ:

- Ngày 01/12 tồn 30 thùng với đơn giá 945.360đ/ 1 thùng
- Ngày 05/12 nhập 10 thùng với đơn giá 949.290đ/ 1 thùng

Đơn giá xuất kho Sơn lót trong 17l được tính như sau:

- Đơn giá xuất kho Sơn lót trong 17l ngày 02/12:  $945.360 \times 6 = 5.672.160$
- Đơn giá xuất kho Sơn lót trong 17l ngày 09/12:  $945.360 \times 5 = 4.726.800$

**Biểu số 2.7:**

**Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long**

**Mẫu số: 02-VT**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 02 tháng 12 năm 2015

Nợ: 632

Số: 043

Có: 156

Họ và tên người nhận hàng: Anh Tuấn

Địa chỉ (bộ phận): Công trường THPT Quốc Tuấn, Xã Quốc Tuấn, H. An Lão, TP. Hải Phòng.

Lý do xuất kho: Bán trực tiếp

Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa

Địa điểm: Kho hàng của công ty

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bột bả trong nhà		Bao	40	40	209.090	8.363.600
2	Sơn lót trong 17l		Thùng	06	06	945.360	5.672.160
3	Sơn trong nhà 5l		Lon	50	50	598.180	29.909.000
4	Bột bả ngoài trời		Bao	16	16	278.180	4.450.880
5	Sơn lót ngoài 17l		Thùng	03	03	1.283.630	3.850.890
6	Sơn ngoài trời 5l		Lon	18	18	694.540	12.501.720
	<b>Cộng</b>	<b>X</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>64.748.250</b>

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Sáu mươi tư triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn hai trăm năm mươi đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 02 tháng 12 năm 2015

**Người lập phiếu**

**Người nhận hàng**

**Thủ kho**

**Kế toán trưởng  
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)**

**Giám đốc  
(Ký, họ tên)**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

**Biểu số 2.8:**

**Đơn vị: Công ty CP TM Huy Long**

**Mẫu số: 02 - VT**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Nợ: 632

Ngày 09 tháng 12 năm 2015

Có: 156

Số: 047

Họ và tên người nhận hàng: Chị Mai

Địa chỉ (bộ phận): Số 34 - Phan Đăng Lưu - Trần Thành Ngọ - Kiến An - Hải Phòng

Lý do xuất kho: Bán trực tiếp

Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa

Địa điểm: Kho hàng của công ty

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bột bả trong nhà		Bao	30	30	209.090	6.272.700
2	Sơn lót trong 17l		Thùng	05	05	945.360	4.726.800
3	Sơn trong nhà 5l		Lon	40	40	598.180	23.927.200
4	Bột bả ngoài trời		Bao	13	13	278.180	3.616.340
5	Sơn lót ngoài 17l		Thùng	03	03	1.283.630	3.850.890
	<b>Cộng</b>	<b>X</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>42.393.930</b>

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bốn mươi hai triệu ba trăm chín mươi ba ngàn chín trăm ba mươi đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 09 tháng 12 năm 2015

**Người lập phiếu**

**Người nhận hàng**

**Thủ kho**

**Kế toán trưởng  
(Hoặc bộ phận có  
nhu cầu nhập)**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

**Biểu số 2.9:**

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2015**

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
02/12	PX 043	02/12	Xuất kho bán hàng cho anh Tuấn	632	64.748.250	
				156		64.748.250
02/12	PT 044	02/12	Doanh thu bán hàng cho anh Tuấn	111	78.353.000	
				511		71.230.000
				3331		7.123.000
			.....			
09/12	PX 047	09/12	Xuất kho bán hàng cho chị Mai	632	42.393.930	
				156		42.393.930
09/12	GBC 43	09/12	Doanh thu bán hàng cho chị Mai	112	51.302.900	
				511		46.639.000
				3331		4.663.900
			.....			
			<b>Cộng cuối năm</b>		<b>61.303.155.491</b>	<b>61.303.155.491</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

*(Đã ký)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

*(Đã ký)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

*(Đã ký)*

**Biểu số 2.10:**

Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long

Mẫu số: S03b-DNN

Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Tài khoản: 632

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày, Tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	H	1	2	
			<b><u>Số dư đầu tháng</u></b>				
			.....				
02/12	PX 043	02/12	Xuất hàng bán cho Anh Tuấn	156	64.748.250		
			.....				
09/12	PX 047	09/12	Xuất hàng bán cho Chị Mai	156	42.393.930		
			.....				
31/12	KC 03	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		7.124.249.701	
<b>Cộng số phát sinh tháng</b>						<b><u>7.124.249.701</u></b>	<b><u>7.124.249.701</u></b>
<b><u>Số dư cuối tháng</u></b>							

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Đã ký)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Đã ký)

### **2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

#### **2.2.3.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản như tiền lãi gửi Ngân hàng;
- Chi phí tài chính của Công ty là khoản tiền trả lãi vay trong quá trình hoạt động.

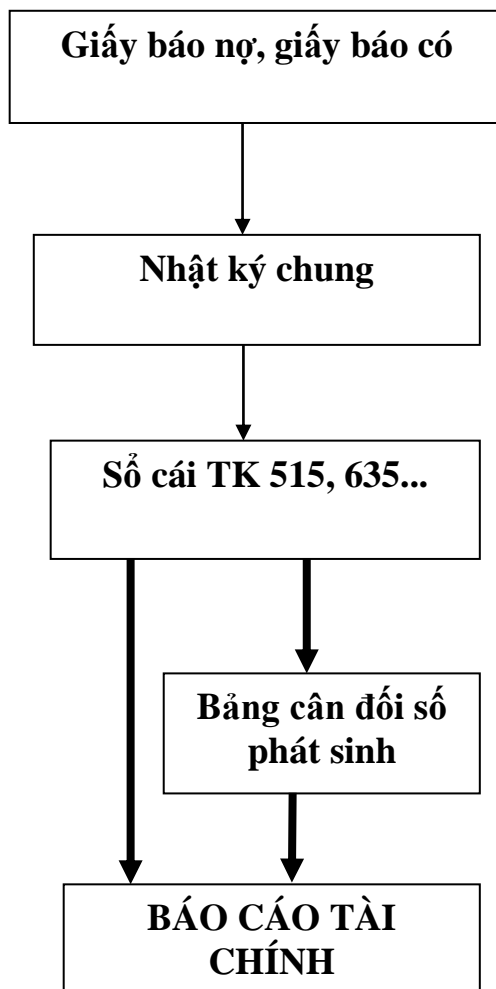
#### **2.2.3.2 Chứng từ sử dụng**

- ✓ Phiếu trả lãi tài khoản;
- ✓ Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh;
- ✓ Phiếu thu, giấy báo có;
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ hợp đồng vay vốn;
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan...

#### **2.2.3.3 Tài khoản sử dụng**

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- Và các tài khoản khác có liên quan

**2.2.3.4 Quy trình hạch toán**



**Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty**

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng:  $\longrightarrow$

**2.2.3.5 Ví dụ minh họa**

**Ví dụ 1:** Ngày 31/12/2015 công ty nhận được giấy báo có của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về số tiền lãi nhận được tháng 12 là 393.304.

**Ví dụ 2:** Ngày 31/12/2015 công ty nhận được giấy báo nợ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về số tiền lãi phải trả tháng 12 là 5.000.000.

- Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng (biểu số 2.11), giấy báo nợ (biểu số 2.12), kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung (biểu 2.13).



- Từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 515 (biểu số 2.14), sổ cái TK 635 (biểu số 2.15).

- Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

**Biểu số 2.11:**

**Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam**



**GIẤY BÁO CÁO**

Ngày 31/12/2015

GDV: NGUYEN THU HANG

Mã KH: 44048

Số GD: 49

**Kính gửi: Công ty CPTM Huy Long**

**Mã số thuế: 0200785940**

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

**Số tài khoản ghi có 1020001421756**

**Số tiền bằng số 393.304**

**Số tiền bằng chữ Ba trăm chín mươi ba nghìn ba trăm lẻ bốn đồng.**

**Nội dung Lãi tiền gửi tháng 12.**

**GIAO DỊCH VIÊN**

*Teller*

**KIỂM SOÁT**

*Supervisor*

(Đã ký)

(Đã ký)

**Biểu số 2.12:**

**Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam**



**GIẤY BÁO NỢ**

Ngày 31/12/2015

GDV: NGUYEN THU HANG

Mã KH: 44048

Số GD: 34

**Kính gửi: Công ty CPTM Huy Long**

**Mã số thuế: 0200785940**

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

**Số tài khoản ghi có 1020001421756**

**Số tiền bằng số 5.000.000**

**Số tiền bằng chữ Năm triệu đồng chẵn.**

**Nội dung Lãi vay tháng 12.**

**GIAO DỊCH VIÊN**

*Teller*

**KIỂM SOÁT**

*Supervisor*

(Đã ký)

(Đã ký)

**Biểu số 2.13:**

**Đơn vị: Công ty CP TM Huy Long**

**Mẫu số: S03a-DNN**

**Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2015**

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
31/12	GBC 49	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng T12	112	393.304	
				515		393.304
			.....			
31/12	GBN 34	31/12	Lãi vay tháng 12	635	5.000.000	
				112		5.000.000
			.....			
			<b>Cộng cuối năm</b>		<b>61.303.155.491</b>	<b>61.303.155.491</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

*(Đã ký)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

*(Đã ký)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

*(Đã ký)*

**Biểu số 2.14:**

**Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long**

**Mẫu số: S03b-DNN**

**Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính**

**Tài khoản: 515**

**Năm 2015**

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày, Tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	H	1	2	
			<b><u>Số dư đầu tháng</u></b>			-	
			.....				
31/12	GBC 42	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng T12	112		393.304	
31/12	KC 02	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	911	4.564.540		
<b>Cộng số phát sinh tháng</b>						<b><u>4.564.540</u></b>	<b><u>4.564.540</u></b>
<b><u>Số dư cuối tháng</u></b>							

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

(Đã ký)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Đã ký)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Đã ký)

**Biểu số 2.15:**

**Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long**

**Mẫu số: S03b-DNN**

**Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Chi phí tài chính**

**Tài khoản: 635**

**Năm 2015**

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày, Tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	H	1	2	
			<b><u>Số dư đầu tháng</u></b>			-	
			.....				
31/12	GBN 34	31/12	Chi phí lãi vay T12	112	5.000.000		
31/12	KC 04	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	911		60.000.000	
<b>Cộng số phát sinh tháng</b>						<b><u>60.000.000</u></b>	<b><u>60.000.000</u></b>
<b><u>Số dư cuối tháng</u></b>							

*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

(Đã ký)

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

(Đã ký)

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

(Đã ký)

---

## **2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

### **2.2.4.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh**

Tại Công ty CPTM Huy Lonh, chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí về lương nhân viên bán hàng, lương nhân viên văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí về đồ dùng văn phòng...

### **2.2.4.2 Chứng từ sử dụng**

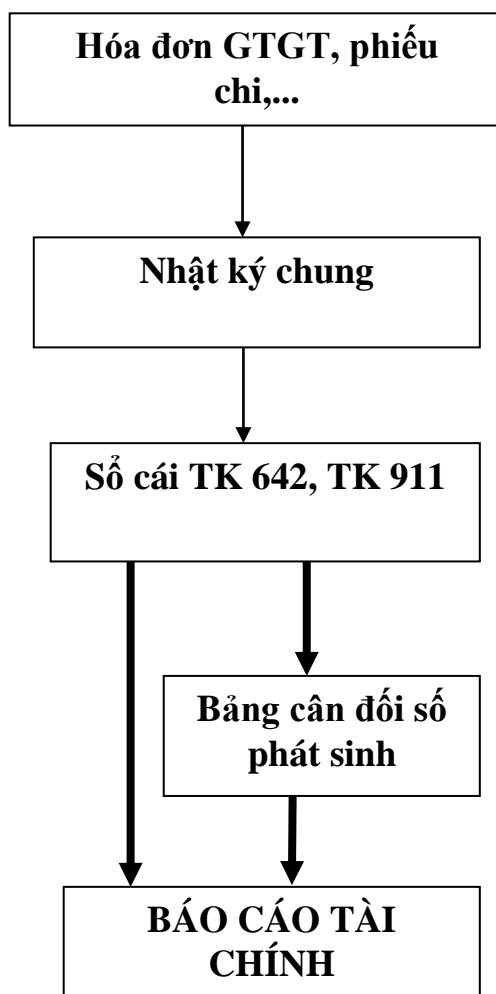
- ✓ Hóa đơn GTGT;
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ ngân hàng;
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương;
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ;
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan..

### **2.2.4.3 Tài khoản sử dụng**

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- Các TK khác liên quan như: TK 111, 112, 131...

### **2.2.4.4 Quy trình hạch toán**

Quy trình hạch toán được mô tả như sau:



*Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty*

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng:  $\longrightarrow$

**2.2.4.5 Ví dụ minh họa**

Ngày 11/12/2015, công ty thanh toán tiền mua văn phòng phẩm phục vụ bộ phận quản lý doanh nghiệp, số tiền là 1.395.900.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT (biểu số 2.16), kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung (biểu 2.17).

- Từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.18).

- Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

**Biểu số 2.16:**

<p><b>HÓA ĐƠN</b>  <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>  <i>Liên 3: Nội bộ</i>  <i>Ngày 11 tháng 12 năm 2015</i></p>			<p><b>Mẫu số: 01GTKT3/001</b>  <b>Ký hiệu: AA/13P</b>  <b>Số: 0000225</b></p>		
<p>Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH G2 QUỐC TẾ</b>                  Địa chỉ: An Đồng - An Dương - Hải Phòng                  Số tài khoản:.....                  Điện thoại: 0313680240 <span style="float: right;">MST: 0200726053</span></p>					
<p>Họ tên người mua hàng: Vũ Văn Duy                  Đơn vị: Công ty Cổ Phần Thương Mại Huy Long                  Mã số thuế: 0200785940 <span style="float: right;">Hình thức thanh toán: TM</span>                  Địa chỉ: Việt Khê - Tân Dân - An Lão - Hải Phòng                  Số tài khoản:.....tại Ngân hàng.....</p>					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Giấy photo A4	Ream	20	53.500	1.070.000
2	Giấy than Hồng Hà	Tập	03	47.000	141.000
3	Ghim dập kw	Hộp	02	29.000	58.000
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>1.269.000</b>
<b>Thuế suất GTGT: 10%</b>				<b>Tiền thuế GTGT:</b>	<b>216.900</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>1.395.900</b>
<i>Số tiền viết bằng chữ: Một triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm đồng.</i>					
<p><b>Người mua hàng</b>  <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p> <p style="text-align: center;">(Đã ký)</p>		<p><b>Người bán hàng</b>  <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p> <p style="text-align: center;">(Đã ký)</p>		<p><b>Thủ trưởng đơn vị</b>  <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i></p> <p style="text-align: center;">(Đã ký)</p>	



**Biểu số 2.17:**

**Đơn vị: Công ty CP TM Huy Long**

**Mẫu số: 01 - TT**

**Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP** (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

# PHIẾU CHI

Quyển số:

Số: PC 034

Nợ: 642.133

Có: 111

*Ngày 11 tháng 12 năm 2015*

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Nên

Địa chỉ: Nhân viên - Kế toán

Đơn vị công tác (DN): Công ty CPTM Huy Long

Lý do nộp: Thanh toán tiền văn phòng phẩm

Số tiền: 1.395.900

(Viết bằng chữ): *Một triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm đồng.*

Kèm theo: .....Chứng từ gốc.

*Ngày 11 tháng 12 năm 2015*

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người nhận tiền</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười bảy triệu chín trăm nghìn không trăm lẻ ba đồng./.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....

+ Số tiền quy đổi: .....

\* Để theo dõi quá trình bán hàng và doanh thu bán hàng, kế toán căn cứ vào chứng từ để ghi vào các sổ kế toán có liên quan.

**Biểu số 2.18:**

**Đơn vị: Công ty CP TM Huy Long**

**Mẫu số: S03a-DNN**

**Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2015**

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
05/12	PC 28	02/12	Thanh toán tiền điện thoại	642	1.719.350	
				133	171.935	
				111		1.891.285
			.....			
11/12	PC34	02/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	642	1.269.000	
				133	126.900	
				111		1.395.900
			.....			
20/12	GBN 26	09/12	Phí báo SMS	642	20.000	
				112		20.000
21/12	GBN 28	09/12	Phí chuyển tiền	642	11.000	
				112		11.000
			.....			
			<b>Cộng cuối năm</b>		<b>61.303.155.491</b>	<b>61.303.155.491</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.19:**

Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long  
Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP

Mẫu số: S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp  
Tài khoản: 642  
Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, Tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			<b>Số dư đầu tháng</b>		-	
			.....			
05/12	PC 28	05/12	Thanh toán tiền điện thoại	111	1.719.350	
			.....			
11/12	PC 34	11/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	1.269.000	
13/12	PC 38	13/12	Thanh toán tiền xăng	111	3.396.190	
			.....			
17/12	PC 42	17/12	Mua bình nước lọc	111	2.500.000	
			.....			
20/12	GBN 26	20/12	Phí báo SMS	112	20.000	
			.....			
31/12	KC 05	31/12	Kết chuyển CP QLDN	911		794.965.948
<b>Cộng số phát sinh tháng</b>					<b><u>794.965.948</u></b>	<b><u>794.965.948</u></b>
<b>Số dư cuối tháng</b>						

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

---

### **2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

Trong năm 2013 Công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan tới thu nhập khác và chi phí khác.

### **2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

#### **2.2.6.1 Nội dung xác định kết quả kinh doanh**

Bất cứ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều quan tâm đến hiệu quả kinh doanh, Công ty cổ phần thương mại Huy Long cũng không nằm ngoài quan điểm trên, kết quả kinh doanh của công ty chính là kết quả bán hàng.

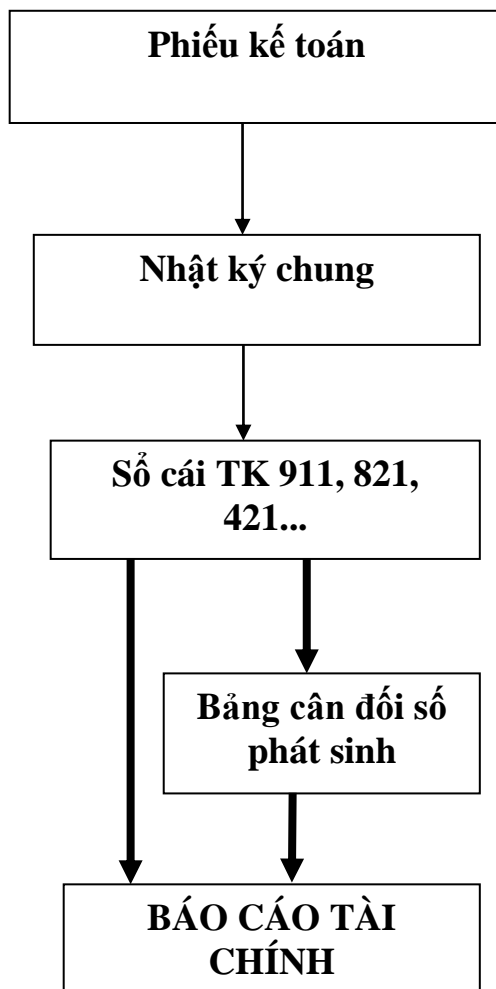
#### **2.2.6.2 Chứng từ sử dụng**

- Sổ nhật ký chung
- Các sổ cái liên quan: 511, 515, 632, 642...

#### **2.2.6.3 Tài khoản sử dụng**

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 632: Giá vốn hàng bán

**2.2.6.4 Quy trình hạch toán**



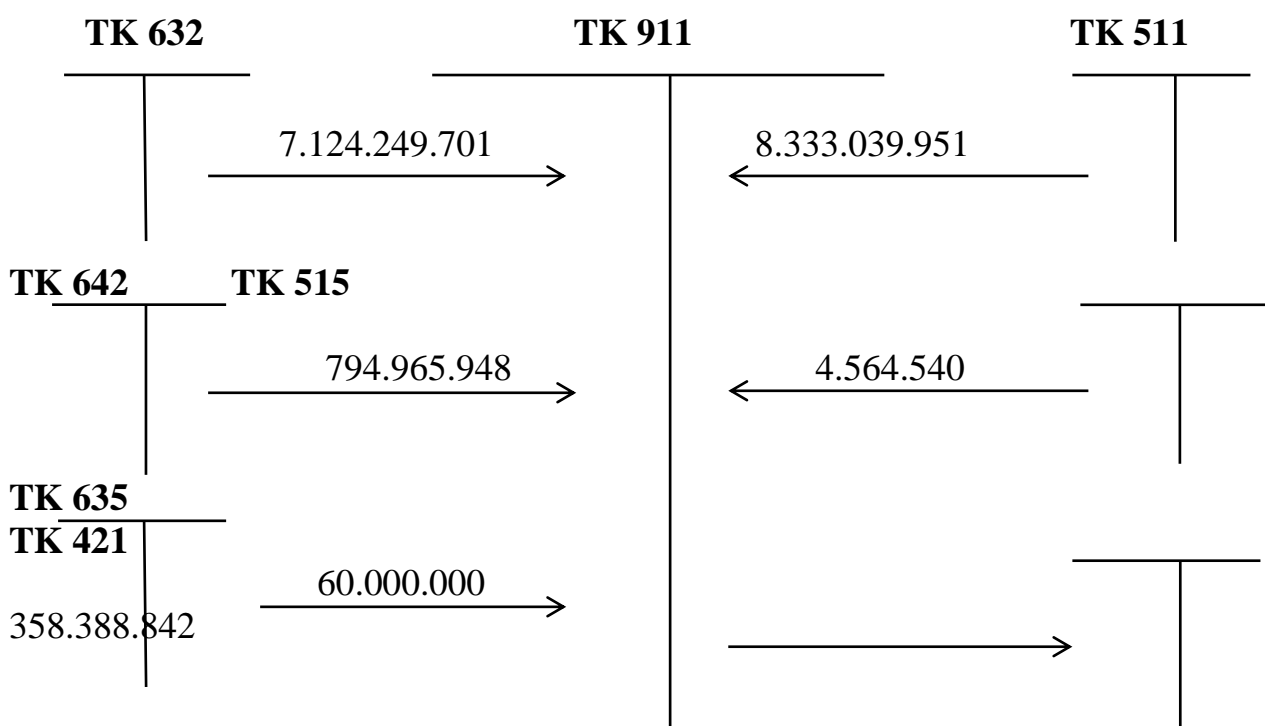
*Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty*

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng:  $\longrightarrow$

**Kết quả xác định kết quả kinh doanh năm 2015 được khái quát qua sơ đồ sau:**



Cuối tháng căn cứ vào các bút toán thực hiện kết chuyển, các phiếu kê toán để ghi sổ cái TK 911, TK 421.

$$\begin{aligned} \text{Khi đó, kết quả kinh doanh} &= (8.333.039.951 + 4.564.540) - \\ &= (7.124.249.701 + 60.000.000 + 794.965.948) \\ &= 358.388.842 \text{ đồng.} \end{aligned}$$

$$\text{Thuế TNDN hiện hành} = 358.388.842 \times 20\% = 71.677.768 \text{ đồng.}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = 117.136.220 - 71.677.768 = 286.711.074 \text{ đồng.}$$

Cuối quý, tập hợp số liệu từ sổ sách, kế toán lập phiếu ghi có TK 911 (Biểu số 2.20, 2.21), Phiếu ghi nợ TK 911 (Biểu số 2.22, 2.23, 2.24, 2.26, 2.27)

**Biểu số 2.20:**

Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long

Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP

**CHỨNG TỪ KẾT CHUYỂN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số: 01

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	8.333.039.951
	<b>Cộng</b>			<b>8.333.039.951</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

**Biểu số 2.21:**

Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long

Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP

**CHỨNG TỪ KẾT CHUYỂN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số: 02

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	4.564.540
	<b>Cộng</b>			<b>4.564.540</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

**Biểu số 2.22:**

**Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long**

**Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP**

**CHỨNG TỪ KẾT CHUYỂN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số: 03

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	7.124.249.701
	<b>Cộng</b>			<b>7.124.249.701</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

**Biểu số 2.23:**

**Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long**

**Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP**

**CHỨNG TỪ KẾT CHUYỂN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số: 04

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	60.000.000
	<b>Cộng</b>			<b>60.000.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



**Biểu số 2.24:**

**Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long**

**Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP**

**CHỨNG TỪ KẾT CHUYỂN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số: 05

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	794.965.948
	<b>Cộng</b>			<b>794.965.948</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

**Biểu số 2.25:**

**Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long**

**Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP**

**CHỨNG TỪ KẾT CHUYỂN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số: 06

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Tính thuế TNDN phải nộp	821	3334	71.677.768
	<b>Cộng</b>			<b>71.677.768</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

**Biểu số 2.26:**

**Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long**

**Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP**

**CHỨNG TỪ KẾT CHUYỂN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số: 07

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển thuế TNDN hiện hành	911	821	71.677.768
	<b>Cộng</b>			<b>71.677.768</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

**Biểu số 2.27:**

**Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long**

**Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP**

**CHỨNG TỪ KẾT CHUYỂN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số: 08

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lãi kinh doanh	911	421	286.711.074
	<b>Cộng</b>			<b>286.711.074</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

**Biểu số 2.28:**

**Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long**

**Mẫu số S03a-DNN**

**Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP**

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2015**

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
15/12	GBN 15	15/12	Phí báo SMS	6422	20.000	
				1121		20.000
			.....			
17/12	GBN 19	17/12	Phí chuyển tiền	642	27.500	
				1121		27.500
			.....			
19/12	GBN 21	19/12	Thanh toán tiền mua hàng	331	20.000.000	
				1121		20.000.000
			.....			
21/12	LC 71	21/12	Mua hàng về nhập kho, thanh toán bằng CK	156	44.450.000	
				133	4.445.000	
				112		48.895.000
21/12	GBN 28	21/12	Phí chuyển tiền	6422	11.000	
				1121		11.000
			.....			
23/12	GBC 63	23/12	Nộp tiền mặt vào tài khoản	1121	50.000.000	
				1111		50.000.000

.....						
31/12	GBC 42	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	1121	393.304	
				515		393.304
31/12	BL 12	31/12	Tính lương phải trả CNV	6422	36.500.000	
				334		36.500.000
.....						
31/12	KC 01	31/12	Cuối kỳ kết chuyển doanh thu bán hàng	511	8.333.039.951	
				911		8.333.039.951
31/12	KC 02	31/12	Cuối kỳ kết chuyển doanh thu HĐTC	515	4.564.540	
				911		4.564.540
31/12	KC 03	31/12	Cuối kỳ kết chuyển giá vốn hàng bán	911	7.124.249.701	
				632		7.124.249.701
31/12	KC 04	31/12	Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính	911	60.000.000	
				635		60.000.000
31/12	KC 05	31/12	Cuối kỳ kết chuyển chi phí QLDN	911	794.965.948	
				642		794.965.948
31/12	KC06	31/12	Cuối kỳ tính CP thuế TNDN hiện hành	821	71.677.768	
				3334		71.677.768
31/12	KC 07	31/12	Cuối kỳ kết chuyển thuế TNDN hiện hành	911	71.677.768	
				821		71.677.768
31/12	KC 08	31/12	Cuối kỳ kết chuyển lãi từ hoạt động kinh doanh	911	286.711.074	
				4212		286.711.074
<b>Cộng cuối năm</b>				<b>x</b>	<b>61.303.155.491</b>	<b>61.303.155.491</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

(Đã ký)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Đã ký)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Đã ký)

**Biểu số 2.29:**

**Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long**

**Mẫu số: S03b-DNN**

**Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh**

**Tài khoản: 911**

**Năm 2015**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, Tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
31/12	KC 01	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		8.333.039.951
31/12	KC 02	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515		4.564.540
31/12	KC 03	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	7.124.249.701	
31/12	KC 04	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	60.000.000	
31/12	KC 05	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	6422	794.965.948	
31/12	KC 06	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	71.677.768	
31/12	KC 08	31/12	Kết chuyển lãi kinh doanh	4212	286.711.074	
<b>Cộng số phát sinh tháng</b>				<b>x</b>	<b>8.337.604.491</b>	<b>8.337.604.491</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)  
(Đã ký)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)  
(Đã ký)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)  
(Đã ký)

**Biểu số 2.30:**

**Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long**

**Mẫu số: S03b-DNN**

**Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối**

**Tài khoản:421**

**Năm 2015**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, Tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			<b>Số dư đầu năm</b>			<b><u>546.410.200</u></b>
31/12	KC 08	31/12	Kết chuyển lãi năm 2015	911		286.711.074
			<b>Cộng số phát sinh</b>			<b>286.711.074</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			<b><u>833.121.274</u></b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

**Biểu số 2.31:**

**Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long**

**Mẫu số: B001-DNN**

**Địa chỉ: Việt Khê, Tân Dân, An Lão, HP**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**Năm 2015**

*Đơn vị tính: đồng*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.333.039.951	7.898.541.220
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.333.039.951	7.898.541.220
4. Giá vốn hàng bán	7.124.249.701	6.874.541.032
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.208.790.250	1.024.000.188
6. Doanh thu hoạt động tài chính	4.564.540	2.456.784
7. Chi phí tài chính	60.000.000	56.412.100
- Trong đó chi phí lãi vay	60.000.000	56.412.100
8. Chi phí bán hàng	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	794.956.948	684.541.120
10. Lợi nhuận thuần	358.388.842	285.503.752
11. Thu nhập khác	-	-
12. Chi phí khác	-	-
13. Lợi nhuận khác	-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	358.388.842	285.503.752
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	71.677.768	57.100.750
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	286.711.074	228.403.002

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

---

**CHƯƠNG 3****MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HUY LONG****3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HUY LONG**

Trong nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp chịu tác động không nhỏ đến từ những biến động của nền kinh tế. Vì vậy, một doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển được đòi hỏi nhà quản trị doanh nghiệp phải có những chiến lược kinh doanh đúng đắn. Để phục vụ cho công tác quản lý, các nhà quản trị đưa ra những quyết định chính xác góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để làm được điều đó việc tổ chức bộ máy kế toán góp một phần không nhỏ. Trong thời gian thực tập tại công ty CPTM Huy Long em nhận thấy công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty có những ưu điểm, nhược điểm sau đây:

**3.1.1. Ưu điểm****a. Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty**

- Về bộ máy kế toán: công tác kế toán tại công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, đảm bảo sự thống nhất trong quản lý. Các kế toán viên được phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với chuyên môn của mình. Đội ngũ nhân viên kế toán là những người có kinh nghiệm, có chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.

- Về hình thức kế toán: công ty áp dụng hình thức “Nhật ký chung” đơn giản và hiệu quả phản ánh được kịp thời, chính xác những nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán sử dụng theo đúng Quyết định 48 của Bộ Tài chính ban hành ngày 14/09/2006. Chứng từ đảm bảo sự chính xác về nội dung, quy trình luân chuyển chứng từ khoa học tạo điều kiện cho công tác ghi sổ kế toán. Cuối tháng kế toán tiến hành đóng chứng từ, sổ sách và lưu trữ cẩn thận.

- Công ty tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng: phương pháp khấu hao này có ưu điểm là việc tính toán đơn giản, tổng mức khấu hao của TSCĐ



được phân bổ đều đặn trong các năm sử dụng TSCĐ và không gây ra sự đột biến trong giá sản phẩm hàng năm.

- Tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước: Phương pháp này giúp cho chúng ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

### **b. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty**

Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nhìn chung đã đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Về các chứng từ liên quan đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh: như hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, bảng chấm công, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, bảng phân bổ CCDC dài hạn được kế toán phân loại và tiến hành ghi sổ theo đúng nội dung phần hành kế toán, tạo điều kiện cho việc đưa ra các báo cáo tài chính chính xác, kịp thời: phục vụ đặc biệt cho công tác quản lý công ty.

- Về công tác kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ bán hàng đều được kế toán ghi nhận vào doanh thu một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác về nội dung. Khi bán hàng, kế toán bán hàng tiến hành lập hóa đơn GTGT thành 3 liên, liên 1 lưu tại quầy, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 nội bộ làm căn cứ ghi sổ kế toán.

- Về công tác kế toán giá vốn: công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước, phương pháp này giúp cho chúng ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng.

- Về công tác kế toán chi phí tài chính và doanh thu tài chính: kế toán hạch toán chi phí tài chính và doanh thu tài chính rất rõ ràng, khoa học, do các khoản doanh thu tài chính, chi phí tài chính của công ty chủ yếu đến từ lãi tiền gửi và lãi tiền vay nên qua việc theo dõi tốt tài khoản 635 nhà quản trị có thể kiểm soát được chi phí lãi vay trong doanh nghiệp.

- Về công tác kế toán chi phí khác và thu nhập khác: kế toán theo dõi tốt 2 tài khoản chi phí khác và thu nhập khác đã giúp cho nhà quản trị quản lý được các khoản doanh thu bất thường và chi phí bất thường trong doanh nghiệp.

- Về công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty: do kế toán đã quản lý, theo dõi tốt những khoản doanh thu, chi phí đề cập ở trên vì thế công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được thực hiện một cách dễ dàng, cung cấp cho giám đốc những thông tin kế toán chính xác kịp thời; qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

### **3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty**

Bên cạnh những ưu điểm đề cập ở trên, công ty CPTM Huy Long còn tồn tại những mặt hạn chế sau đây:

#### **❖ Về việc sử dụng phần mềm vào công tác kế toán**

Công ty CPTM Huy Long là một công ty với khối lượng chứng từ và công việc kế toán không lớn tuy nhiên công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán vì thế không tạo được điều kiện thuận lợi nhất cho kế toán đưa ra những thông tin kế toán kịp thời, chính xác cho nhà quản trị.

#### **❖ Về sổ sách sử dụng**

Công ty chưa mở sổ chi tiết bán hàng và sổ chi phí sản xuất kinh doanh dẫn đến công ty không theo dõi được doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp của từng mặt hàng và khó theo dõi từng yếu tố chi phí quản lý phát sinh trong kỳ.

#### **❖ Về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Là một doanh nghiệp thương mại nên quy mô các khoản phải thu khách hàng của công ty là khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng còn chậm, thậm chí còn nhiều khách hàng nợ quá hạn. Vì vậy việc công ty không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để tránh những rủi ro là một hạn chế lớn của doanh nghiệp.

#### **❖ Về chính sách bán hàng**

Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc chokhách hàng hưởng các khoản chiết khấu như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán.

Việc không áp dụng chiết khấu thương mại của công ty sẽ làm cho doanh thu của công ty giảm đi đáng kể do khách hàng không được hưởng lợi nhiều khi

mua hàng với số lượng lớn. Điều này gây ảnh hưởng đến khả năng thu hồi vốn nhanh, vòng quay luân chuyển vốn lưu động và mở rộng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty cũng chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán dẫn đến giảm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp, không thể hạn chế việc khách hàng chiếm dụng vốn của công ty.

### **3.2 MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HUY LONG**

#### **3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty**

Trong xu thế phát triển của thế giới hiện nay cùng với quá trình hội nhập và quốc tế hóa, mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước được giao lưu, buôn bán trao đổi với các doanh nghiệp nước ngoài. Không những thế nó cũng tạo ra những áp lực và thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước, vì thế để có thể tồn tại và phát triển được các doanh nghiệp phải không ngừng vận động, mở rộng thị trường và việc hoàn thiện công tác quản lý sản xuất kinh doanh – một yếu tố quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là công tác kế toán trong doanh nghiệp.

Vì thế doanh nghiệp nên có những giải pháp giải quyết những hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng. Những mặt còn hạn chế trên liên quan đến công tác tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh tại công ty vì thế nó ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh**

Đối với công ty nếu quản lý tốt các kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị quản lý, theo dõi được tình hình tiêu thụ và sử dụng chi phí kinh doanh của toàn công ty. Từ đó công ty sẽ có những biện pháp để thúc đẩy tiêu thụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh một cách chính xác, phân phối thu nhập cho người lao động hợp lý, làm cho người lao động hăng say hơn trong lao động.

Đối với công tác kế toán, công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng, nó thể hiện kết quả kinh doanh cuối kỳ của doanh nghiệp vì thế việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp kế toán đưa ra những thông tin kế toán chính xác hơn và tạo niềm vui cho nhà quản trị khi sử dụng thông tin kế toán.

### **3.2.3. Nguyên tắc và điều kiện tiên hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Việc hoàn thiện những hạn chế cần dựa vào những nguyên tắc sau:

#### **Nguyên tắc thống nhất**

Đảm bảo sự thống nhất từ trung ương đến cơ sở.

Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Đảm bảo sự thống nhất về chứng từ, tài khoản, sổ sách và phương thức hạch toán.

- ✓ Thực hiện đúng chế độ nhà nước
- ✓ Tiếp cận những chuẩn mực quốc tế phù hợp với điều kiện doanh nghiệp.
- ✓ Đảm bảo cung cấp chính xác, kịp thời về mọi mặt của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp, phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp.

### **3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Trong thời gian thực tập tại Công ty CPTM Huy Long em đã có cơ hội tiếp cận và đối chiếu giữa công tác kế toán thực tế với những lý thuyết được học ở trường. Em xin đưa ra một số đề xuất hoàn thiện những hạn chế còn tồn tại ở công ty như sau:

#### **3.2.4.1 Hiện đại hóa công tác kế toán**

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường ngày nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

**\* Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015**

MISA SME.NET 2012



**MISA SME.NET 2015**

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2015 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet.

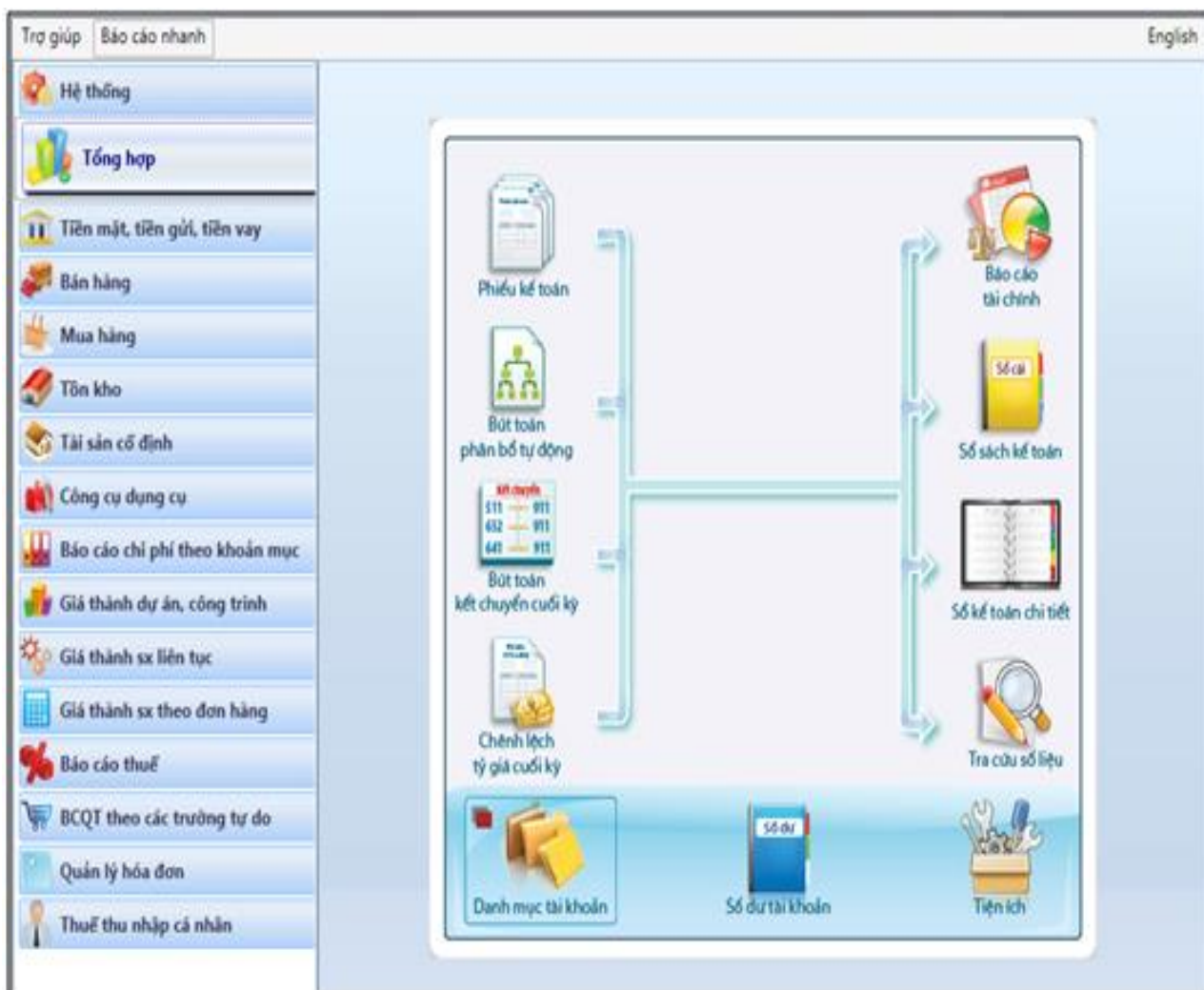
**Giá: 9.950.000**

Các phân hệ của MISA:





**\* Phần mềm kế toán FAST Accounting 11**



**Giá: 6.000.000 - 8.000.000**

*Chức năng:*

Phần mềm Fast accounting ( phiên bản 11) mang những tính năng nổi trội như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu ( tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm..), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu ( có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt..). Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

**3.2.4.2 Hoàn thiện việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.**

Căn cứ khoản 2 Điều 3 và khoản 1,2,3 Điều 6 Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng

các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp quy định nguyên tắc chung, trích lập và sử dụng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi:

“Thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Trường hợp doanh nghiệp được Bộ Tài chính chấp thuận áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch (bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc 31/12 hàng năm) thì thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là ngày cuối cùng của năm tài chính”.

1. Điều kiện: là các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng,...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

2. Phương pháp lập dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã

chết,... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC các khoản nợ phải thu khó đòi hạch toán vào tài khoản 159 “Các khoản dự phòng”

*Phương pháp hạch toán kế toán tài khoản 1592 “Dự phòng phải thu khó đòi”*

Cuối kỳ kế toán hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ (đối với doanh nghiệp có lập báo cáo tài chính giữa niên độ), doanh nghiệp căn cứ các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (Nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 6422-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 1592-Dự phòng phải thu khó đòi

Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí. Ghi:

Nợ TK 1592-Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 6422-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành, căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 1592-Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ TK 6422-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 131-Phải thu của khách hàng

Có TK 138-Phải thu khác

Đồng thời ghi vào bên Nợ TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).



---

Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 711- Thu nhập khác

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).

Căn cứ Bảng kê công nợ (Biểu 3,1), kế toán lập Bảng kê trích lập dự phòng (Biểu 3,2).

**Biểu 3.1:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯỜNG MẠI HUY LONG**

**BẢNG KÊ CÔNG NỢ**

**(Tính đến 31/12/2015)**

STT	Tên Công ty	Số tiền	Nợ chưa đến hạn	Nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Ghi chú
1	Công ty TNHH Minh Mẫn	45.550.000	25.000.000	20.550.000		
2	Công ty CPTM Minh Nguyên	64.765.500	25.640.500	39.125.000		
3	Công ty TNHH Thành Đạt	24.211.819			24.211.819	7 tháng 20 ngày
4	Công ty TNHH Tuấn Hương	11.361.274			11.361.274	10 tháng 3 ngày
5	Ông Nguyễn Văn Phú	8.467.850	8.467.850			
	.....	.....	.....	.....		
	<b>Cộng</b>	<b>689.398.526</b>	<b>364.589.340</b>	<b>289.236.093</b>	<b>35.573.093</b>	

**Biểu số 3.2:**

**BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG  
(TÍNH ĐẾN 31/12/2015)**

<b>STT</b>	<b>Tên Công ty</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Thời gian quá hạn thanh toán</b>	<b>Tỷ lệ trích lập</b>	<b>Số cần lập dự phòng</b>
1	Công ty TNHH Thành Đạt	24.211.819	7 tháng 20 ngày	30%	7.263.546
2	Công ty TNHH Tuấn Hương	11.361.274	10 tháng 3 ngày	30%	3.408.382
	<b>Cộng</b>	<b>35.573.093</b>			<b>10.671.928</b>

- Căn cứ vào bảng kê trích lập dự phòng kế toán tại công ty hạch toán:

Nợ 6422: 10.671.928

Có 1592: 10.671.928

**3.2.4.3 Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán chi tiết nhằm xác định chính xác kết quả kinh doanh theo từng mặt hàng tại công ty.**

- Khi hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty cần hạch toán chi tiết doanh thu của từng loại mặt hàng bán ra nhằm nắm bắt chi tiết doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng. Từ đó, các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được các chiến lược tiêu thụ hàng hóa như: marketing, tìm kiếm thị trường, tìm đối tác,... Như vậy công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng cho từng loại mặt hàng (**Biểu 3.2**). Thông qua doanh thu, giá vốn có thể tính lợi nhuận gộp của từng mặt hàng; từ đó đưa ra những chiến lược phát triển sản phẩm.

Ví dụ 3.1: Lấy lại ví dụ ở chương 2 (Tr.41) cùng với việc ghi sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511 kế toán sẽ ghi vào sổ chi tiết bán hàng mở cho từng mặt hàng sơn Jotun (**Biểu 3.4**)

**Biểu 3.3:**

**Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long**

**SỔ CHI TIẾT DOANH THU**

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):....

Năm:.....

Quyển số:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212.5231)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này có .... trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu 3.4:**

**Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long**

**SỔ CHI TIẾT DOANH THU**

Tên sản phẩm: Sơn trong nhà 5l

Năm: 2015

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng (lon)	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212.5231)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			.....						
02/12	HĐ 768	02/12	Bán cho anh Tuấn	111	50	658.000	32.900.000		
			.....						
09/12	HĐ 774	09/12	Bán cho chị Mai	112	40	658.000	26.320.000		
			.....						
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>1921</b>		<b>1.311.526.240</b>		

- Sổ này có .... trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

---

- Khi hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán nên hạch toán chi tiết giá vốn của hàng hóa bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn chi tiết, ta có thể xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Đồng thời, hạch toán chi tiết giá vốn của từng loại hàng hóa bán ra thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường của công ty. Vì vậy công ty nên mở thêm sổ chi tiết theo dõi giá vốn hàng bán (**Biểu 3.5**).

Ví dụ: Trong tháng 12 căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho từng mặt hàng (**Biểu 3.6**)

**Biểu 3.5:**

**Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long**

**SỔ CHITIẾT GIÁ VỐN**

Tài khoản: 632

Tên sản phẩm:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Giá vốn		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra	
						.....	.....
A	B	C	D	E	1	2	3
			- Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh trong kỳ				
			.....				
			Cộng phát sinh				
			Ghi có TK				
			Số dư cuối kỳ				

- Sổ này có .... trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu 3.6:**

**Đơn vị: Công ty CPTM Huy Long**

**SỔ CHITIẾT GIÁ VỐN**

Tài khoản: 632

Tên sản phẩm: Sơn trong nhà 5l

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Giá vốn		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra	
						Số lượng (lon)	Đơn giá
A	B	C	D	E	1	2	3
			Số phát sinh trong kỳ				
02/12	PX 43	02/12	Xuất hàng theo HĐ 768	156	29.909.000	50	598.180
			.....				
09/12	PX 47	09/12	Xuất hàng theo HĐ 774	156	23.927.200	40	598.180
			.....				
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>1.115.243.520</b>	<b>1921</b>	

- Sổ này có .... trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)



---

## KẾT LUẬN

Qua quá trình tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại Công ty Cổ phần thương mại Huy Long, em thấy ở công ty đã có nhiều bước tiến vượt bậc nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh trong điều kiện hiện nay. Công ty đã năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, không ngừng đáp ứng nhu cầu của khách hàng và chiếm được uy tín trên thị trường quản lý sản xuất kinh doanh và sự đóng góp quan trọng của công tác hạch toán kế toán. Bên cạnh đó công ty còn có đội ngũ cán bộ lãnh đạo và kế toán đầy năng lực, kinh nghiệm, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, bộ máy kế toán được tổ chức phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý và trình độ năng lực của từng cán bộ nhân viên kế toán. Công ty là một đơn vị chuyên dịch vụ vận chuyển, trong kỳ có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Vì vậy việc sử dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung là hợp lý vì nó cung cấp thông tin kịp thời, thuận tiện cho việc phân công công việc. Hệ thống sổ sách kế toán của công ty đầy đủ đúng quy định, từ đó các phần hành kế toán được thực hiện dễ dàng.

Qua đợt tìm hiểu này em cũng nhận ra những điểm khác biệt giữa lý thuyết và thực tế trong chuyên ngành kế toán. Mặc dù vẫn là những định khoản và các loại sổ, chứng từ đã được học trong nhà trường song em vẫn không tránh khỏi những nhầm lẫn hay chưa có sự thông hiểu rõ ràng.

Dưới góc độ là một sinh viên thực tập chưa có nhiều kinh nghiệm, trình độ nhận thức còn hạn chế nên trong bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo để báo cáo khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Cô giáo hướng dẫn – ThS. Trần Thị Thanh Thảo, cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán của Công ty Cổ phần thương mại Huy Long, cùng toàn thể các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành báo cáo khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!